C2. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành đối với Sau đại học.

I. Tiến sĩ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
1	**Học phần bắt buộc 1:** + Nội khoa: Bệnh cầu thận; Siêu âm tim; Bệnh đái tháo đường; Bệnh lý thực quản dạ dày tá tràng + Ngoại khoa: Bệnh lý ngoại khoa và phẫu thuật thực quản - dạ dày - ruột; Sỏi tiết niệu + Sản Phụ khoa: Chẩn đoán và điều trị vô sinh + Y tế công cộng: Đánh giá các hoạt động y tế + Điện quang và y học hạt nhân: Chẩn đoán hình ảnh cập nhật bệnh lý tuyến vú + Nhi khoa: Cập nhật kiến thức về cấp cứu trẻ em + Khoa học Y sinh: Cập nhật bệnh sinh các bệnh lý ở người	Nắm được định nghĩa, liệt kê các triệu chứng lâm sàng của bệnh, mô tả các hình ảnh mô học cơ bản của các thể bệnh, phân biệt được bệnh nguyên phát và thứ phát và nêu được phác đồ điều trị. Cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận
2	**Học phần bắt buộc 2:** + Nội khoa: Suy thận; Điện tâm đồ; Béo phì và rối loạn lipid máu; Bệnh lý gan mật tụy + Ngoại khoa: Bệnh lý ngoại khoa và phẫu thuật đại trực tràng; Khối u tuyến tiền liệt + Sản Phụ khoa: Sử dụng hóa chất trong ung thư phụ khoa + Y tế công cộng: Dịch tễ học can thiệp + Điện quang và y học hạt nhân: Chẩn đoán hình ảnh cập nhật + Nhi khoa: Cập nhật chẩn đoán và can thiệp tim bẩm sinh + Khoa học Y sinh: Các kỹ thuật chẩn đoán bệnh trong thời đại y học chính xác	Nắm được định nghĩa, liệt kê các triệu chứng lâm sàng của bệnh, phân biệt được bệnh nguyên phát và thứ phát và nêu được phác đồ điều trị. cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận
3	Học phần tự chọn 1	- **Nội khoa:** Thăm dò chức năng - hình thái thận tiết niệu, Rối loạn nước, điện giải, toan kiềm, Các triệu chứng chính trong bệnh lý thận tiết niệu, Bệnh lý ống thận, kẽ thận,	Nắm được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và viết được phương pháp điều trị cho mỗi loại bệnh. Cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận

STT	Tên môn học		Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
	(chọn 1 trong các học phần)	mạch thận, bệnh thận bẩm sinh di truyền, Suy tim - Cấp cứu tim mạch, Tăng huyết áp, Kỹ thuật chụp và can thiệp động mạch vành, Kỹ thuật tạo nhịp tim, Holter ECG, Hormon và hoạt động hormon, Tuyến giáp, Tuyến thượng thận, Chuyển hóa chất kháng, Thăm dò tiêu hóa - gan mật, Nội soi tiêu hóa, Bệnh lý ruột non - ruột già, Bệnh lý cấp cứu tiêu hóa gan mật.	vực chuyên môn; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.			
4	Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong các học phần)	- **Ngoại khoa:** Bệnh lý ngoại khoa và phẫu thuật (NK&PT) trong điều trị các bệnh ở tụy và lách, Bệnh lý NK&PT trong điều trị các bệnh nhân chấn thương bụng, Bệnh lý NK&PT nội soi ổ phúc mạc, Phẫu thuật chữa các loại thoát vị thành bụng, Chấn thương hệ tiết niệu, nhiễm khuẩn đường niệu trên, Ung thư đường niệu dưới và cơ quan sinh dục ngoài, Ghép thận. - **Sản phụ khoa:** Bệnh nhiễm trùng và thai kỳ, Bệnh nội tiết và thai kỳ, Sử dụng hóa chất trong phụ khoa, Y học bằng chứng và ứng dụng trong SPK. - **Y tế công cộng:** Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng, Xử lý, phân tích số liệu bằng các phần mềm thống kê, Quản lý sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp, Can thiệp hành vi trong truyền thông giáo dục sức khỏe. - **Điện quang và Y học hạt nhân:** CĐHA nhi khoa, CĐHA cấp cứu, CĐHA can thiệp, CĐHA dị dạng thai nhi.	Nắm được nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng và viết được phương pháp điều trị cho mỗi loại bệnh. Cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lí thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.	02	Theo CTĐT hàng năm	- Học và thi - Học và báo cáo tiểu luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
	- **Nhi khoa:** Cập nhật kiến thức (CNKT) về thận - nội tiết trẻ em, CNKT về bệnh máu - thần kinh trẻ em, CNKT về bệnh tiêu hóa - dinh dưỡng trẻ em, CNKT các bệnh hô hấp trẻ em. - **Khoa học Y sinh:** Cập nhật kiến thức về sinh lý trong y học, Cập nhật kiến thức về sinh lý học và ứng dụng kỹ thuật thăm dò chức năng trong chẩn đoán, Cập nhật kiến thức di truyền y học, Ứng dụng kỹ thuật di truyền trong chẩn đoán và điều trị, Giải phẫu bệnh tiết niệu - sinh dục, Giải phẫu bệnh nội tiết - miễn dịch, Hóa sinh nhi khoa và hóa sinh lão khoa, Các chất oxy hóa, chất chống oxy hóa và hóa sinh ung thư, Thăm dò huyết học nâng cao và sản xuất chế phẩm máu, Di truyền tế bào và sinh học phân tử trong bệnh máu ác tính, Cập nhật kiến thức về bệnh ký sinh trùng, Miễn dịch trong ung thư, Miễn dịch chống nhiễm khuẩn, Cập nhật mô học- mô học phân tử, Cập nhật phôi thai học, Cập nhật các tác nhân vi khuẩn, virus gây bệnh nhiễm trùng mới nổi và tái nổi, Các kỹ thuật nâng cao trong chẩn đoán vi sinh vật, Cập nhật kiến thức về bệnh vi nấm, Giải phẫu một số hệ cơ quan trong ứng dụng lâm sàng.				
5	Chuyên đề tiến sĩ 1 (liên hệ với đề tài nghiên cứu)	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề
6	Chuyên đề tiến sĩ 2 (liên hệ với đề tài nghiên cứu)	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	PP đánh giá SV
7	Chuyên đề tiến sĩ 3 (liên hệ với đề tài nghiên cứu)	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề
8	Tiểu luận tổng quan (liên hệ với đề tài nghiên cứu)	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực nghiên cứu	02	Theo CTĐT hàng năm	Báo cáo chuyên đề

II/ Cao học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
1. CAO HỌC NỘI KHOA, KHÓA 2021 - 2023					
1	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
3	Sinh lý học	**Kiến thức:** + Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. + Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. **Kỹ năng:** + Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. + Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. **Thái độ:** + Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.
4	Miễn dịch học	**- Kiến thức:** Vận dụng được kiến thức miễn dịch học vào chuyên ngành Nội khoa, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý miễn dịch và nguyên tắc phòng chống bệnh tật dựa trên cơ chế đáp ứng miễn dịch. **- Kỹ năng:** Trình bày được nguyên tắc một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học **- Thái độ:** + Học tập và thi cử nghiêm túc, khiêm tốn, trung thực, và khách quan.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Kiểm tra, đánh giá định kỳ, bao gồm:** **- Thi cuối kỳ:** mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định **- Hình thức thi:** là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. **- Cách tính điểm:** theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt, văn minh lịch sự.			chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ **- Thang điểm trắc nghiệm như sau:** (Điểm = [(số câu đúng - số câu sai)/4]/10) **- Điều kiện dự thi:** gồm các điều kiện như sau: Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết.
5	Dược lý học	**Kiến thức:** Trình bày được các hoạt động của thuốc đối với cơ thể bao gồm: quá trình Dược động học và quá trình Dược lực học. **Kỹ năng:** + Thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. + Kê đơn thuốc đúng quy trình, đúng bệnh, đảm bảo tính an toàn và hợp lý. + Phân tích được các tương tác của thuốc khi dùng phối hợp các thuốc trong điều trị để tránh được những bất lợi có thể xảy ra. **Thái độ, chuyên cần:** Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt vào các buổi học.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Kiểm tra - đánh giá thường xuyên:** Hằng ngày kiểm tra chuyên cần, kiểm tra kiến thức cũ và kiểm tra mức độ hiểu bài. Về thực hành kiểm tra thêm các kỹ thuật trong mục tiêu yêu cầu của bài học **- Kiểm tra- đánh giá định kỳ:** + Lý thuyết: 1 lần thi và kiểm tra, 1 lần kiểm tra giữa học phần 1 lần thi kết thúc học phần + Thực hành: Tổ chức kiểm tra sau khi học xong chương trình thực hành. Không đạt yêu cầu phải thi lại. **- Tiêu chí đánh giá các loại bài tập** + Lý thuyết: Thi kết thúc học phần: gồm 100 câu, trong đó có 80 câu hỏi trắc nghiệm và đúng sai, - Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi kết thúc học phần (Theo kế hoạch của Phòng Sau đại học)
6	Cấp cứu hồi sức	1 Nắm vững được những nguyên lý cơ bản về HSCC 2. Biết rõ các tiêu chuẩn chẩn đoán và biện pháp xử trí cấp cứu một số tình huống lâm sàng liên hệ các cơ quan quan trọng như tuần hoàn, hô hấp, thận, thần kinh và một số rối loạn chuyển hóa trong cơ thể	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút) Hỏi thi lâm sàng (30 phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
7	Bệnh truyền nhiễm	Học viên nắm được những kiến thức cơ bản và cập nhật một số bệnh nhiễm trùng thường gặp ở Việt Nam. Chẩn đoán đúng và và sớm một số bệnh nhiễm trùng thường gặp ở Việt Nam. Ứng dụng được một số kỹ thuật, xét nghiệm giúp cho chẩn đoán, điều trị các bệnh lý nhiễm trùng.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Lý thuyết:** + Câu hỏi trắc nghiệm + Trường hợp lâm sàng (cases study) **- Thực hành:** + Làm bệnh án + Khám và chẩn đoán trên bệnh nhân cụ thể
8	Tim mạch	1. Trang bị kiến thức khá toàn diện cho học viên về các bệnh lý tim mạch thông dụng. 2. Từ đó vận dụng trong thực tế để giải quyết tốt nhu cầu điều trị, nghiên cứu được những bệnh lý tim mạch thường gặp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
CAO HỌC NỘI KHOA, KHÓA 2020-2022					
9	Hô hấp - Thần kinh	1. Nắm vững được những phương pháp và phương tiện thăm dò bộ máy hô hấp. 2. Thành thạo các thủ thuật như chọc dò dịch não tủy, đọc phim sọ não cột sống , chụp não tủy cắt lớp vi tính, điện não đồ bệnh lý, phim chụp nhuộm tủy... 3. Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt, chẩn đoán được nguyên nhân gây bệnh. Xử trí bệnh tốt và có khả năng phổ biến tuyên truyền có hiệu qủa về phòng bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
10	Tiêu hóa - Gan mật	1. Nắm vững bệnh nguyên cơ chế bệnh sinh, các triệu chứng và hội chứng của các bệnh Tiêu hoá - Gan mật thường gặp. 2. Biết xử trí và điều trị các bệnh Tiêu hoá - Gan mật thường gặp .	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
11	Thận - Tiết niệu	1. Nắm được các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh lý về thận. 2. Nắm vững một số phương pháp điều trị hiện đại về thận để giải quyết suy thận mạn như chạy thận nhân tạo chu kỳ, ghép thận.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
12	Nội tiết - Chuyển hóa	1. Giúp học viên nắm vững những kiến thức liên quan đến các bệnh Nội tiết và chuyển hoá. 2. Thực hành tốt trong chẩn đoán nhất là điều trị các bệnh Nội tiết, chuyển hoá thường gặp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
13	Điều trị nội khoa đại cương	1. Nắm được các liệu pháp thông thường trong thực tiễn điều trị nội khoa 2. Trình bày được các chỉ định, chống chỉ định của các thuốc thường sử dụng trong lâm sàng nội khoa	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
14	Cơ xương khớp	1. Nắm vững bệnh sinh các bệnh cơ xương khớp thường gặp. 2. Biết cách điều trị và phòng bệnh cơ xương khớp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 + Thi lý thuyết: trắc nghiệm(60 phút) + Thi lâm sàng: gồm Khám bệnh và làm bệnh án (60 phút); Hỏi thi lâm sàng (30 phút)
III. CAO HỌC NGOẠI KHOA KHÓA 2021 - 2023					

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
15	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
17	Giải phẫu	1. Kiến thức: học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu người 2. Kỹ năng: biết được các đặc điểm giải phẫu học người trên mô hình xác và người sống 3. Thái độ: Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lĩnh vực ngoại khoa	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
18	Ung thư	Cung cấp các kiến thức cơ bản về bệnh ung thư, đồng thời nắm vững các bệnh ung thư thường gặp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh **giá** theo hình thức trắc nghiệm khách quan hoặc đánh giá theo hình thức tự luận, với thang điểm 10, một số thập phân

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
19	Phẫu thuật thực hành			Theo CTK và KHĐT hàng năm	
20	Sản Phụ khoa	Sau khi học xong môn học, học viên có khả năng nắm được những kiến thức cơ bản và cập nhật về các lĩnh vực sinh đẻ khó khăn, các cấp cứu sản khoa, các bệnh lý sản và phụ khoa có liên quan trong điều trị ngoại sản.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
21	Gây mê hồi sức	- Trang bị những kỹ năng cơ bản (kỹ năng kiếm thức và kỹ năng thực hành và giải quyết tình huống) về những kỷ thuật, thủ thuật vô cảm để phục vụ công tác phẫu thuật , thủ thuật ngoại khoa và thăm dò chức năng, đồng thời giải quyết được các tình huống cấp cứu trong ngoại khoa, nhằm mục đích với cán bộ chuyên ngành Gây mê hồi sức phối hợp điều trị bệnh nhân	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
22	Vấn đề cơ bản ngoại khoa và phẫu thuật nội soi	- Cung cấp những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực ngoại khoa. - Cung cấp một số kiến thức cơ bản trong phẫu thuật nội soi - Thực hành được những kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực ngoại khoa. - Rèn luyện một số kỹ năng cơ bản trong phẫu thuật nội soi	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; - Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp.
IV. CAO HỌC NGOẠI KHOA, KHÓA 2020 - 2022					
23	Ngoại tiêu hóa - Gan mật	- Cung cấp những kiến thức về một số bệnh lý chủ yếu của ngoại tiêu hóa gan mật. - Thực hành được những kỹ năng cơ bản trong phẫu thuật tiêu hóa, gan mật.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Phương pháp đánh giá lý thuyết:** Trắc nghiệm; **- Phương pháp đánh giá thực hành:** Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
24	Ngoại Tiết niệu	- Cung cấp kiến thức về một số trường hợp thường gặp và những tiến bộ trong lĩnh vực tiết niệu - Học viên chẩn đoán được và xử trí được một số bệnh lý cấp cứu thường gặp trong tiết niệu. - Rèn luyện một số kỹ năng lâm sàng trong chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý trong lĩnh vực tiết niệu - Thực hiện được một số thao tác và phẫu thuật trung phẫu trong niệu khoa	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Phương pháp đánh giá lý thuyết:** Trắc nghiệm; **- Phương pháp đánh giá thực hành:** Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
25	Ngoại Chấn thương - Chỉnh hình	- Cung cấp kiến thức về một số trường hợp thường gặp và những tiến bộ trong lĩnh vực chấn thương - Chẩn đoán và xác định hướng xử trí một số bệnh lý thường gặp trong chấn thương - Thực hiện được một số phẫu thuật trong một số bệnh lý thường gặp trong lĩnh vực chấn thương - Làm được một số kỹ thuật kéo nắn chỉnh hình trong chấn thương	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Phương pháp đánh giá lý thuyết:** Trắc nghiệm; **- Phương pháp đánh giá thực hành:** Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
26	Ngoại Lồng ngực - Tim mạch	- Cung cấp kiến thức về một số trường hợp thường gặp và những tiến bộ trong lĩnh vực ngoại tim mạch lồng ngực - Chẩn đoán và xác định được hướng xử trí một số bệnh trong lĩnh vực ngoại tim mạch - lồng ngực - Thực hiện được một số kỹ thuật để chẩn đoán và xử trí một số trường hợp thường gặp trong lĩnh vực ngoại tim mạch lồng ngực. - Sử dụng được một số phương tiện nhằm chẩn đoán và xử trí một số trường hợp trong lĩnh vực ngoại tim mạch - lồng ngực	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Phương pháp đánh giá lý thuyết:** Trắc nghiệm; **- Phương pháp đánh giá thực hành:** Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
27	Ngoại nhi	- Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý thường gặp trong ngoại nhi	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Phương pháp đánh giá lý thuyết:** Trắc nghiệm; **- Phương pháp đánh giá thực hành:** Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Học viên chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí một số trường hợp thường gặp trong lĩnh vực ngoại nhi. - Thực hiện được một số kỹ thuật trong chẩn đoán và xử trí cấp cứu một số bệnh lý thường gặp trong ngoại nhi, chú ý các trường hợp cấp cứu - Làm được một số phẫu thuật đơn giản trong lĩnh vực này.			
28	Ngoại thần kinh sọ não	- Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý thường gặp trong ngoại thần kinh. - Học viên chẩn đoán và đưa ra được hướng xử trí một số trường hợp thường gặp trong lĩnh vực ngoại thần kinh. - Thực hiện được một số kỹ thuật trong chẩn đoán và xử trí cấp cứu một số bệnh lý thường gặp trong ngoại thần kinh, chú ý các trường hợp cấp cứu - Làm được một số phẫu thuật đơn giản trong lĩnh vực này.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Phương pháp đánh giá lý thuyết:** Trắc nghiệm; **- Phương pháp đánh giá thực hành:** Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
V. CAO HỌC SẢN PHỤ KHOA KHÓA 2021 - 2023					
29	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Tổng hợp 3 phần điểm:** - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa dáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.			+ Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
31	Giải phẫu học	- **Kiến thức:** học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu người - **Kỹ năng:** biết được các đặc điểm giải phẫu học người trên mô hình xác và người sống - **Thái độ:** Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lĩnh vực Sản Phụ khoa	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
32	Di truyền y học	**Kiến thức:** Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: Củng cố các quan niệm di truyền cơ bản Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 - 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lí di truyền đơn gen phổ biến. Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ. Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy - Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền. **Kỹ năng:** Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần.			Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose Lập được phả hệ **- Thái độ, chuyên cần:** Chương trình nhằm hình thành ở người học: Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
33	Miễn dịch học	**- Kiến thức:** Vận dụng được kiến thức miễn dịch học vào chuyên ngành Sản Phụ khoa, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý miễn dịch và nguyên tắc phòng chống bệnh tật dựa trên cơ chế đáp ứng miễn dịch. **- Kỹ năng:** Trình bày được nguyên tắc một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học . **- Thái độ:** + Học tập và thi cử nghiêm túc, khiêm tốn, trung thực, và khách quan. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt, văn minh lịch sự.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra, đánh giá định kỳ, bao gồm: Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng - số câu sai)/4]/10) Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết.
34	Ngoại khoa	- Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý trong ngoại khoa - Đưa ra được hướng chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trong ngoại khoa	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Thao tác được một số kỹ thuật cơ bản để chẩn đoán và xử trí các bệnh này			
35	Gây mê hồi sức	Trang bị những kỹ năng cơ bản (kỹ năng kiếm thức và kỹ năng thực hành và giải quyết tình huống) về những kỷ thuật, thủ thuật vô cảm để phục vụ công tác phẫu thuật , thủ thuật ngoại khoa và thăm dò chức năng, đồng thời giải quyết được các tình huống cấp cứu trong ngoại khoa, nhằm mục đích với cán bộ chuyên ngành Gây mê hồi sức phối hợp điều trị bệnh nhân	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
36	Sản thường	**1. Kiến thức:** Cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và cập nhật về sản thường **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hành được các kỹ năng liên quan đến chăm sóc thai sản, chẩn đoán và xử trí chuyển dạ, chăm sóc hậu sản. Nắm vững chương trình quản lý làm mẹ an toàn. **3. Thái độ:** Quản lý thai sản tốt là một biện pháp quan trọng giúp phát hiện sớm các bất thường để có hướng xử trí kịp thời, hạn chế tai biến sản khoa và giảm tỷ lệ tử vong mẹ và trẻ sơ sinh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
VI. CAO HỌC SẢN PHỤ KHOA, KHÓA 2020 -2022					
37	Đẻ khó và cấp cứu sản khoa	**1. Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản và cập nhật về sản khó và các cấp cứu sản khoa. **2. Kỹ năng:** Học viên phải nắm được những kỹ năng trong chẩn đoán và xử trí các trường hợp sản khoa khó khăn và xử trí các cấp cứu sản khoa. **3. Thái độ:** Các tai biến sản khoa có thể gây tử vong mẹ và thai với tỷ lệ cao, vì vậy cần phát hiện	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiên theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		sớm và xử trí kịp thời; Có thể dự phòng bằng quản lý thai nghén tốt, phát hiện sớm thai nghén nguy cơ và chuyển tuyến phù hợp.			3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10
38	Sản bệnh lý	**1. Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức liên quan đến các bệnh lý nội, ngoại và phụ khoa và thai kỳ cũng như các bệnh lý do quá trình mang thai. **2. Kỹ năng:** Học viên phải chẩn đoán và xử trí được các bệnh lý nội, ngoại và phụ khoa và thai kỳ cũng như các bệnh lý do quá trình mang thai. **3. Thái độ:** Sản khoa bệnh lý có thể gây tăng bệnh suất và tử suất cho cả mẹ và thai trong thai kỳ cũng như trong chuyển dạ. Quản lý thai nghén tốt, phát hiện kịp thời và xử trí đúng mức các trường hợp sản bệnh giúp dự phòng tai biến.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiện theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
39	Phụ khoa tổng quát và khối u	**1. Kiến thức:** Học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và cập nhật về phụ khoa chung và các bệnh lý khối u trong phụ khoa lành và ác tính. **2. Kỹ năng:** Học viên phải chẩn đoán và xử trí những bệnh lý phụ khoa thường gặp và các bệnh lý khối u trong phụ khoa lành và ác tính. **3. Thái độ:** Các tổn thương trên đường sinh dục có thể thường gặp, lành tính nhưng cũng có thể gây ung thư với tỷ lệ tử vong cao. Cần khám phụ khoa sàng lọc định kỳ đầy đủ để phát hiện và điều trị sớm các bệnh lý phụ khoa	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiên theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
40	Phụ khoa nội tiết - Vô sinh	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản và cập nhật về các bệnh lý nội tiết phụ khoa, vô sinh và hỗ trợ sinh sản.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		2. Kỹ năng: Học viên phải chẩn đoán và xử trí những bệnh lý nội tiết phụ khoa thường gặp, cách chẩn đoán và điều trị một cặp vợ chồng vô sinh. **3. Thái độ:** Các rối loạn nội tiết phụ khoa khá thường gặp, gây nhiều rối loạn về mặt tâm lý, sức khỏe cho người phụ nữ, cần tìm hiểu nguyên nhân và xử trí phù hợp. Vô sinh là một trong mười nội dung chăm sóc sức khỏe ở nước ta hiện nay. Đây là một vấn đề liên quan đến nhiều khía cạnh xã hội, cần được quan tâm đúng mức, phát hiện và điều trị sớm, đúng phương pháp.			- Tham gia học trên lớp: thực hiên theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
41	Các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa	**1. Kiến thức:** Học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và cập nhật về các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa. **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hiện được và đánh giá kết quả một số phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa. **3. Thái độ:** Các phương pháp thăm dò trong sản phụ khoa rất cần thiết trong việc phát hiện, chẩn đoán sớm các bất thường liên quan đến thai kỳ cũng như tổn thương đường sinh dục. Thực hiện đúng các phương pháp này giúp chẩn đoán sớm, chính xác và xử trí kịp thời.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiên theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10. 3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
42	Sơ sinh, Dân số - KHHGĐ, sức khỏe sinh sản	**1. Kiến thức:** Học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản và cập nhật về sơ sinh, dân số - KHHGĐ và sức khỏe sinh sản. **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hiện được các kỹ năng khám, chẩn đoán, xử trí và tư vấn các vấn đề liên quan đến sơ sinh, dân số - KHHGĐ và sức khỏe sinh sản.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên: Dự học trên lớp, thực hành lâm sàng: trọng số 1 2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ: - Tham gia học trên lớp: thực hiên theo quy chế 45, điểm chuyên cần: trọng số 1 - Kiểm tra giữa kỳ: sau khi đã học được 25 tiết: trọng số 2 - Thi cuối kỳ: trọng số 7 theo thang điểm 10.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		3. Thái độ: Chăm sóc sơ sinh đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển thể chất và tinh thần cho trẻ sau này, phát hiện sớm các dị tật bẩm sinh và các tình trạng cấp cứu để có hướng xử trí kịp thời. Kế hoạch hóa gia đình là chương trình quốc gia có tầm quan trọng đặc biệt, cần coi trọng công tác thông tin - giáo dục - truyền thông và tư vấn giúp người dân có sự quyết định hợp lý.			3. Tiêu chí đánh giá các bài tập: làm các bệnh án chuyên khoa, đáp ứng yêu cầu của giảng viên. Đánh giá theo thang điểm 10.
VII. CAO HỌC NHI KHOA KHÓA 2021 - 2023					
43	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
44	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa dáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
45	Sinh lý học	**1. Kiến thức** - Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. - Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. **2. Kỹ năng** - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. **3. Thái độ** - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.
46	Di truyền y học	**- Kiến thức:** Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: + Củng cố các quan niệm di truyền cơ bản + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lí di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy - Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền. **- Kỹ năng** + Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. + Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G.			Thi chạy trạm: đúng 10 - 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. + Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. + Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose + Lập được phả hệ **- Thái độ, chuyên cần** + Chương trình nhằm hình thành ở người học: + Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
47	Miễn dịch học	**- Kiến thức:** Vận dụng được kiến thức miễn dịch học vào chuyên ngành Nhi khoa, giải thích được cơ chế bệnh sinh một số bệnh lý miễn dịch và nguyên tắc phòng chống bệnh tật dựa trên cơ chế đáp ứng miễn dịch. **- Kỹ năng:** Trình bày được nguyên tắc một số kỹ thuật miễn dịch ứng dụng trong y học . **- Thái độ** + Học tập và thi cử nghiêm túc, khiêm tốn, trung thực, và khách quan. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt, văn minh lịch sự.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra, đánh giá định kỳ, bao gồm: - Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định - Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng - số câu sai)/4]/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết.
48	Ngoại nhi	Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý trong ngoại nhi. Đưa ra được hướng chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trong ngoại nhi Thao tác được một số kỹ thuật cơ bản để chẩn đoán và xử trí các bệnh này	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm; Phương pháp đánh giá thực hành: Kiểm tra thực hành lâm sàng và hỏi vấn đáp
49	Bệnh truyền nhiễm nhi	1.Kiến thức: Học viên nắm được các triệu chứng lâm sàng của các bệnh lây thường gặp ở trẻ em 2. Kỹ năng: Học viên phải chẩn đoán và xử trí những bệnh lây thường gặp ở trẻ em. Nắm vững chương trình tiêm chủng ở trẻ em. 3. Thái độ: tham gia đầy đủ môn học, thực hành được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây ở trẻ em.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
50	Sơ sinh	1.Kiến thức: Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý cần hồi sức ở trẻ sơ sinh. 2. Kỹ năng: học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị các bệnh về hồi sức sơ sinh ở trẻ em. 3. Thái độ:học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh cần hồi sức ở trẻ sơ sinh	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
VIII. CAO HỌC NHI KHOA, KHÓA 2020 - 2022					
51	Cấp cứu	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về cấp cứu hồi sức ở trẻ em. **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh về cấp cứu hồi sức ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		3. Thái độ: Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh về cấp cứu hồi sức ở trẻ em.			lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
52	Tiêu hoá-Dinh dưỡng	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em. **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em. Tham vấn cho bệnh nhân và gia đình chế độ nuôi dưỡng trẻ khi khỏe manh và khi bị bệnh. **3. Thái độ:** Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được bệnh tiêu hóa và dinh dưỡng ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm Thi	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
53	Nội tiết -Thận-Tiết niệu	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh Thận và nội tiết ở trẻ em. **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh về Thận và nội tiết ở trẻ em. **3. Thái độ:** Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh về Thận và nội tiết ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm Thi	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
54	Tim mạch- Cơ xương khớp	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý tim mạch ở trẻ em. **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh về tim mạch ở trẻ em. **3. Thái độ:** Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh về tim mạch.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm Thi	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
55	Hô hấp	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý hô hấp và nhi xã hội.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		2. Kỹ năng: Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị những bệnh bệnh của hệ hô hấp và bệnh xã hội ở trẻ em. **3. Thái độ:** Học viên có khả năng tổ chức phòng và điều trị được bệnh của hệ hô hấp và bệnh xã hội ở trẻ em.			2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
56	Huyết học- Thần kinh	**1.Kiến thức:** Học viên phải nắm vững kiến thức cơ bản về bệnh lý máu và thần kinh ở trẻ em **2. Kỹ năng:** Học viên phải thực hành được các kỹ năng chẩn đoán và điều trị bệnh lý máu và thần kinh ở trẻ em **3. Thái độ:** Học viên có khả năng tổ chức phòng tránh được các bệnh lý máu và thần kinh ở trẻ em.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) lâm sàng: Khám bệnh và làm đề cương bệnh án (60phút) Hỏi thi lâm sàng (30phút)
IX. CAO HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG KHÓA 2021 - 2023					
57	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
58	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.			
59	Thống kê y học và Dân số học	**1. Kiến thức** - Vận dụng được các kiến thức thống kê để ứng dụng trong việc thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích các đề tài nghiên cứu sức khỏe. - Vận dụng được kiến thức về dân số học để ứng dụng trong việc tiến hành nghiên cứu các đề tài sức khỏe. - Biết cách sử dụng phần mềm thống kê chuyên dụng úng sử lý số liệu đã nghiên cứu. **2. Kỹ năng:** Thu thập, tổng hợp, sử lý và phân tích được số liệu của các đề tài nghiên cứu sức khỏe. **3. Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của nội dung thống kê y học và dân số học trong việc tiến hành NCKH y học.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: thực hành trên máy tính: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
60	Dịch tễ học cơ sở	**1. Kiến thức:** Trình bày được các nguyên lý và phương pháp dịch tễ học trong việc phát hiện và mô tả các vấn đề sức khoẻ của cộng đồng. **2. Kỹ năng:** Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khoẻ của cộng đồng. Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp. Phân tích được tính giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học. **3. Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học cơ sở đối với sức khỏe cộng đồng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
61	Kinh tế y tế	**1. Kiến thức:** Trình bày được một số vấn đề cơ bản của kinh tế và kinh tế y tế **2. Kỹ năng:** Đánh giá kinh tế một số chương trình y tế đang thực hiện ở cơ sở y tế. **3. Thái độ:** Nhận thức được vai trò của kinh tế y tế trong các hoạt động y tế	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
62	Các yếu tố ảnh hưởng sức khỏe - giáo dục sức khỏe	**1. Kiến thức** - Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sức khoẻ của cộng đồng. - Trình bày được các khái niệm về giáo dục sức khoẻ. - Trình bày được quá trình thay đổi hành vi sức khoẻ và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thay đổi hành vi. **2. Kỹ năng:** - Phân tích được vai trò của giáo dục sức khỏe trong CSSKBĐ và tăng cường sức khỏe. - Lập được kế hoạch cho một chương trình giáo dục sức khoẻ cụ thể . - Tổ chức thực hiện và đánh giá được một chương trình giáo dục sức khoẻ phù hợp với lĩnh vực công tác.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
63	Quản lý y tế và Chính sách y tế	**1. Kiến thức** - Trình bày được các khái niệm cơ bản, hiện đại và các nguyên tắc về quản lý y tế - Trình bày được các khái niệm về chính sách y tế; phương pháp xây dựng, phân tích đánh giá các chính sách y tế hiện nay ở Việt Nam. - Trình bày được những nội dung cơ bản của luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân Việt Nam và thanh tra y	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tế. Vận dụng xem xét việc thực hiện các luật định về sức khỏe trong phạm vi công tác của mình. **2. Kỹ năng:** Xây dựng được kế hoạch y tế khả thi. Nắm vững phương pháp tổ chức điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động y tế ở các tuyến y tế			
64	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	**1. Kiến thức** - Xác định được mối quan hệ giữa dinh dưỡng, thực phẩm và sức khỏe. - Đánh giá được các vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng và vệ sinh an toàn thực phẩm **2. Kỹ năng** - Thực hành được các kỹ năng giao tiếp, truyền thông, tư vấn một số vấn đề dinh dưỡng liên quan đến sức khỏe. - Xây dựng được các biện pháp can thiệp dinh dưỡng đảm bảo an toàn thực phẩm **3. Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng và vệ sinh an tòan thực phẩm đối với sức khỏe con người	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
X. CAO HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG, KHÓA 2020 - 2022					
65	Sức khỏe môi trường - sức khỏe nghề nghiệp	PHẦN 1: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG **1. Kiến thức** - Trình bày được mối liên quan giữa môi trường và sức khỏe con người - Trình bày được các nguyên lý sinh thái học liên quan tới sức khỏe cộng đồng; trình bày được các nguyên lý cơ bản của dịch tễ học môi trường **2. Kỹ năng** - Phát hiện được các vấn đề sức khỏe môi trường trong cộng đồng và đề xuất những giải pháp phòng chống ô nhiễm và nâng cao sức khỏe cộng đồng;	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		thiết kế và thực hiện được một nghiên cứu sức khỏe môi trường - Chỉ đạo và hướng dẫn cộng đồng thực hiện bảo vệ môi trường an toàn cho sức khỏe **3. Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của sức khoẻ môi trường đối với sức khỏe con người. **PHẦN 2: SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP** **1. Kiến thức:** Mô tả chức năng, nhiệm vụ của khoa học sức khoẻ nghề nghiệp, vận dụng được các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn lao động để đánh giá môi trường lao động; trình bày được ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ có trong lao động tới sức khoẻ và an toàn của người lao động **2. Kỹ năng:** Đề xuất được các giải pháp phòng chống thích hợp nhằm bảo vệ sức khoẻ và phòng chống tai nạn lao động nâng cao hiệu quả sản xuất. **3. Thái độ:** Nhận thức được các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp, vệ sinh nghề nghiệp là nền tảng của sức khỏe nghề nghiệp			
66	Sức khỏe lứa tuổi - Sức khỏe tâm thần - Sức khỏe sinh sản	**PHẦN 1: SỨC KHỎE LỨA TUỔI** **1. Kiến thức:** - Trình bày được đặc điểm phát triển và các vấn đề sức khỏe chủ yếu qua các giai đoạn tuổi. - Các yêu cầu vệ sinh về môi trường học đường. Hệ thống tổ chức chăm sóc sức khỏe học sinh - Trình bày được cơ chế già hóa và biện pháp chăm sóc sức khỏe người có tuổi. **2. Kỹ năng:** Ra quyết định phân chia được các lớp tuổi theo đặc điểm phát triển và mục tiêu nghiên cứu. Phân tích đánh giá được các thông tin sức khỏe theo lứa tuổi	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần), từ các bài tập 3/10 2. Thi học phần: Thực hành viết chuyên đề (tiêu chí đánh giá) 3/10 Thi lý thuyết: Thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		3. Thái độ: Nhận thức được vị trí môn học sức khoẻ lứa tuổi trong khoa học y tế công cộng PHẦN 2: SỨC KHỎE TÂM THẦN **1. Kiến thức** - Nhận thấy được tầm quan trọng của SKTT trong sức khoẻ cộng đồng. - Trình bày được các nhân tố chủ yếu của chiến lược SKTT - Trình bày được nội dung chẩn đoán ,điều trị, quản lý và phòng ngừa tại cộng đồng của TTPL, trầm cảm, nghiện rượu và ma tuý. **2. Kỹ năng:** Thực hành tư vấn được về nội dung chăm sóc SKTT tại cộng đồng **3. Thái độ:** Thấy được tầm quan trọng của việc thay đổi nhận thức về SKTT trong cộng đồng tại Việt Nam cũng như trên thế giới. PHẦN 3: SỨC KHỎE SINH SẢN **1. Kiến thức:** - Nhận ra thực trạng của sức khỏe sinh sản và giải pháp cho vấn đề này; - Trình bày những khái niệm hiện nay về sức khỏe sinh sản; - Trình bày được những nội dung của chương trình sức khỏe sinh sản; **2. Kỹ năng:** Thực hành được tư vấn sức khỏe sinh sản và lập được kế hoạch và quản lý chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản; **3. Thái độ:** Thấy được tầm quan trọng của nhận thức thay đổi về sức khỏe sinh sản hiện nay trong việc tác động hiệu quả đến chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam và thế giới			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
67	Dịch tễ học các bệnh phổ biến	**1. Kiến thức** - Mô tả được các bệnh nhiễm trùng và quá trình lan truyền của các bệnh dịch trong cộng đồng. - Phân tích được nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát sinh phát triển của các vụ dịch. - Trình bày được các chiến lược và biện pháp phòng chống một số bệnh không lây phổ biến ở Việt Nam. **2. Kỹ năng** - Phát hiện sớm những trường hợp bệnh nhiễm trùng phổ biến trong cộng đồng - Đề xuất được các biện pháp điều tra và xử lý dịch, phòng chống sự lan truyền các vụ dịch trong cộng đồng **3. Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học bệnh lây đối với sức khỏe cộng đồng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: điều kiện để thi kết thúc học phần + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: thang điểm 10
68	Thực tập cộng đồng 1	- Mô tả được cấu trúc hoạt động của hệ thống y tế cơ sở - Tìm hiểu được tình hình cung cấp dịch vụ tại tuyến y tế cơ sở - Mô tả được tình hình sức khoẻ bệnh tật của cộng đồng và chọn vấn đề sức khoẻ ưu tiên - Xác định được nhu cầu chăm sóc sức khoẻ và các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sử dụng dịch vụ y tế tại tuyến y tế cơ sở - Lập được kế hoạch can thiệp về một vấn đề sức khoẻ được chọn tại địa phương - Xây dựng được bộ công cụ để thu thập thông tin tại cộng đồng - Biết cách làm việc nhóm hiệu quả	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	1. Thái độ - Giao tiếp với CBYT, người dân - Làm việc nhóm 2. Hình thức báo cáo 3. Nội dung báo cáo - Bộ công cụ rõ ràng, dễ hiểu, đủ biến số cần thiết - Kết quả trình bày khoa học, có sử dụng các tes thống kê để phân tích - Báo cáo viết cụ thể, có bằng chứng minh hoạ thực tế

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
69	Thực tập cộng đồng 2	Vận dụng những kiến thức đã học để: - Mô tả đặc điểm dịch tễ học của một vấn đề sk nhất định trong cộng đồng; xác định được những yếu tố nguy cơ của vấn đề sức khoẻ đó. - Đề xuất giải pháp can thiệp hợp lý; lập kế hoạch can thiệp phù hợp; thiết kế đánh giá một can thiệp. - Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát hiện các yếu tố nguy cơ của vấn đề sức khỏe và giải pháp can thiệp phù hợp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Viết báo cáo, làm tiểu luận: 3/10
70	Tin học ứng dụng trong nghiên cứu sức khỏe	**Kiến thức:** - Mô tả được các thành phần trong cửa sổ hoạt động của phần mềm SPSS - Nêu nguyên tắc xây dựng phiếu hỏi để nhập dữ liệu - Mô tả cách nhập dữ liệu, lọc số liệu và vẽ đồ thị - Nêu nguyên tắc sử dụng các lệnh cơ bản và các lệnh dùng để kiểm định thống kê **Kỹ năng:** - Xây dựng được phiếu hỏi từ yêu cầu nghiên cứu để nhập dữ liệu - Nhập được dữ liệu, tiến hành được việc lọc số liệu - Sử dụng được các lệnh cơ bản và các lệnh nâng cao - Xử lý được số liệu cơ bản và vẽ được đồ thị biểu diễn kết quả theo yêu cầu - Thực hiện được việc tổng hợp, xử lý và phân tích số liệu thống kê theo yêu cầu nghiên cứu bằng phần mềm SPSS. **Thái độ:**	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Dự lớp và kiểm tra giữa học kỳ: 20% + Thi kết thúc học phần : 80%

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Nhận rõ vai trò và tầm quan trọng của môn học trong nghiên cứu khoa học y học. - Thận trọng và chính xác trong quá trình nhập dữ liệu và xử lý số liệu.			
XI. CAO HỌC KHOA HỌC Y SINH KHÓA 2021 - 2023					
71	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
72	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
73	Sinh y học tế bào - phân tử và sinh tin học	**Kiến thức:** - Trình bày được các kiến thức cơ bản về sinh học tế bào gồm thành phần, cấu trúc và chức năng tế bào người; các cơ chế kiểm soát chu kỳ tế bào và	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Lý thuyết: Thi trắc nghiệm, 100 câu, 60 phút - Thực hành: Thi thực hành bằng hình thức chạy trạm * Tiêu chí đánh giá các loại bài tập thi, kiểm tra:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		phân tích được mối liên quan của rối loạn cấu trúc, chức năng tế bào với một số bệnh lý. - Trình bày được các kiến thức cơ bản về sinh học phân tử, các cơ chế sửa chữa DNA, điều hòa biểu hiện gene và phân tích được mối liên quan của sự rối loạn các cơ chế điều hòa này với một số bệnh lý. - Trình bày được nguyên lý hoạt động, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của một số kỹ thuật sinh học phân tử (PCR, giải trình tự) và nuôi cấy tế bào. - Trình bày được kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu tin sinh học, các công cụ tin sinh học để phân tích trình tự DNA, RNA, protein và xây dựng mô hình tiến hóa, phát sinh loài. **Kỹ năng:** - Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi và sử dụng thành thạo các loại kính hiển vi (quang học, phản pha, huỳnh quang) trong y học. - Thực hiện được kỹ thuật PCR để khuếch đại đoạn DNA đích và thực hiện được kỹ thuật điện di DNA để phát hiện sản phẩm PCR. - Truy cập được vào các cơ sở dữ liệu tin sinh học và sử dụng được các công cụ tin sinh học trong phân tích trình tự DNA, RNA, protein để xây dựng mô hình tiến hóa, cây phát sinh loài. **Thái độ:** - Tuân thủ các quy định về an toàn sinh học khi làm việc với máy móc, các hóa chất, sinh bệnh phẩm. - Thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện hoặc chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm.			Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
74	Giải phẫu và sinh lý người	**Giải phẫu:** Nghiên cứu về đặc điểm phôi thai học và giải phẫu học hệ thống cơ quan trong cơ thể: hô hấp, tuần hoàn, tiết niệu, nội tiết và thần kinh. **Sinh lý:** - Kiến thức + Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. + Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. - Kỹ năng + Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. + Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. **- Thái độ** + Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.
75	Cơ sở tự chọn 1: Kỹ thuật sinh học phân tử trong y học	**- Kiến thức:** + Trình bày được nguyên tắc tách chiết acid nucleic. + Trình bày được nguyên lý hoạt động, ưu điểm, nhược điểm và ứng dụng của một số kỹ thuật sinh học phân tử trong phân tích acid nucleic.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- **Lý thuyết:** Kiểm tra trắc nghiệm - **Thực hành:** Theo qui trình kỹ thuật - Điểm thực hành và điểm lý thuyết cần thiết phải là các cột điểm độc lập, học viên được xem là đạt kết quả của HP khi đạt điểm kiểm tra cả thực hành và thi lý thuyết cuối môn học.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Trình bày được các đặc điểm cơ bản của công nghệ tái tổ hợp DNA. + Trình bày được các ứng dụng của kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán và nghiên cứu vi sinh vật. + Phân tích được các sai sót của kết quả PCR trong chẩn đoán tác nhân vi sinh vật. **- Kỹ năng:** + Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA người từ máu toàn phần và DNA/RNA vi sinh vật từ mẫu nghiêm bằng các phương pháp khác nhau. + Thực hiện được các kỹ thuật sinh học phân tử trong chẩn đoán vi sinh vật như các kỹ thuật PCR, lai DNA… + Thực hiện được một số kỹ thuật PCR nâng cao như RT-PCR, kỹ thuật PCR-RFLP, kỹ thuật PCR đặc hiệu allele, kỹ thuật PCR đa mồi và phân tích được các kết quả xét nghiệm sinh học phân tử liên quan trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh di truyền. + Thiết kế được primer, probe và xây dựng được quy trình kỹ thuật PCR để khuếch đại một một đoạn DNA theo chủ đích nghiên cứu hoặc chẩn đoán tác nhân vi sinh vật. + Phân tích được kết quả và chất lượng kỹ thuật PCR. **- Thái độ:** + Tuân thủ các quy định về an toàn sinh học khi làm việc với máy móc, các hóa chất, sinh bệnh phẩm.			- Học viên thiếu điểm phần nào thì phải kiểm tra hay thi lại phần đó.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm + Học hỏi không ngừng để nâng cao kiến thức và trau dồi kỹ năng nghề nghiệp.			
76	Tiêu chuẩn phòng xét nghiệm y học	**- Kiến thức:** + Có kiến thức về các tai biến nhiễm trùng xảy ra với nhân viên làm việc trong phòng thí nghiệm, đường lây truyền chủ yếu các vi sinh vật ở phòng thí nghiệm. + Nắm được các phân loại nguy cơ vi sinh học, các trang bị phòng thí nghiệm đòi hỏi tương thích với các nhóm nguy cơ vi sinh vật. + Hiểu và Đánh giá các nguy cơ sinh học, các nguyên lý cần tuân thủ khi làm việc trong các phòng thí nghiệm với các tác nhân VSV nguy hiểm cao. + Hiểu và vận dụng các kiến thức về trang thiết bị PTN và phương tiện bảo vệ cá nhân vào trong hoạt động chuyên môn. + Nắm bắt các kiến thức về chất thải phòng thí nghiệm trong và áp dụng vào xử lý chất thải PTN trong công tác chuyên môn. + Nêu được ý nghĩa của đảm bảo kiểm tra chất lượng xét nghiệm hóa sinh + Trình bày được các yếu tố cần kiểm tra trong quy trình kiểm tra chất lượng XN hành ngày ở phòng xét nghiệm. + Đánh giá giá trị một thử nghiệm dựa vào các thông số (độ nhạy, độ đặc hiệu, giá trị tiên đoán	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng câu hỏi được phân bố theo học phần chung . Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		dương, giá trị tiên đoán âm, dương tính giả, âm tính giả). + Có khả năng kiểm tra, giải thích và biện luận được các vấn đề liên quan chất lượng xét nghiệm Huyết học + Trình bày được các quy trình và các yếu tố cần kiểm tra để đảm bảo chất lượng xét nghiệm chẩn đoán vi sinh vật. + Phân tích được các yếu tố đảm bảo chất lượng của các thử nghiệm đánh giá độ nhạy của VSV với các chất kháng sinh. + Có kiến thức và vận dụng vào công việc về sắp xếp trang thiết bị và quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng các XN SHPT chẩn đoán các tác nhân nhiễm trùng **- Kỹ năng** + Đánh giá được các yếu tố nguy hiểm về môi trường, điều kiện làm việc trong công tác chuyên môn hàng ngày. + Sử dụng thành thạo và thường quy các phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm việc trong phòng XN với các tác nhân VSV nguy hiểm. + Sử dụng thành thạo và đảm bảo đúng nguyên tắc các trang bị, phương tiện tạo ra sương khí để hạn chế. + Thực hành khử khuẩn và tiệt trùng các chất thải nguy hiểm trong phòng XN trước khi đưa ra môi trường bên ngoài. + Thực hiện an toàn các dụng cụ nhọn, sắc trong PXN.			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Sắp xếp được các phương tiện, máy móc, hóa chất các điều kiện nhằm đáp ứng được nhu cầu xét nghiệm + Thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng ở phòng xét nghiệm sinh y học (nội kiểm) để trả kết quả chính xác. + Phân tích được các thông số để đánh giá ngoại kiểm tra chất lượng của một phòng xét nghiệm. **- Thái độ** + Tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc an toàn khi làm việc ở PXN có tác nhân nguy hiểm. + Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình đảm bảo chất lượng về trang thiết bị, hóa chất sinh phẩm, quy trình xét nghiệm chuẩn để đảm bảo chất lượng xét nghiệm. + Có trách nhiệm cao trong việc phòng và hạn chế lây nhiễm tác nhân nguy hiểm từ phòng thí nghiệm + Cẩn thận, tỷ mỉ và an toàn trong các công việc thực hiện ở PXN với các tác nhân nguy hiểm. + Trung thực, khách quan với các kết quả kiểm tra chất lượng của phòng xét nghiệm.			
77	Mô phôi thai học cơ sở giải phẫu bệnh cơ sở	**- Kiến thức:** + Trình bày được các bước kỹ thuật hoàn thành tiêu bản mô học bình thường + Trình bày được những kiến thức cơ bản và cập nhật về mô và phôi thai học người đại cương + Phân tích được nội dung, đặc điểm, công việc và vai trò của giải phẫu bệnh trong chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Lý thuyết: Thi trắc nghiệm, 100 câu, 60 phút - Thực hành: Thi thực hành bằng hình thức chạy trạm * Tiêu chí đánh giá các loại bài tập thi, kiểm tra: Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Chỉ định được các kỹ thuật GPB cơ bản và ứng dụng trong thực hành lâm sàng - **Kĩ năng:** + Thực hiện được các kỹ thuật mô học thông thường + Nhận diện và xác định được các cấu trúc vi thể, siêu vi thể của các mô đại cương + Nhận biết và chỉ định đúng các kỹ thuật xét nghiệm GPB cơ bản thích hợp trong thực hành lâm sàng - **Thái độ:** + Tuân thủ các quy định về an toàn khi làm việc với máy móc và khi tiếp xúc với các hóa chất, thuốc nhuộm, sinh phẩm + Thói quen thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện hoặc chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm			Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% <90%: khá; 90% < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi.
78	Sinh hóa cơ sở - miễn dịch cơ sở	**Hóa sinh cơ sở:** - **Kiến thức:** + Trình bày được cấu tạo hóa học, tính chất, vai trò của enzyme, carbohydrate, lipid, acid amin, acid nucleic và hemoglobin + Phân tích được đặc điểm cơ bản của các quá trình chuyển hóa năng lượng, chuyển hóa glucid, lipid, acid amin, acid nucleic, hemoglobin; mối liên quan giữa các quá trình chuyển hóa và ảnh hưởng của rối loạn chuyển hóa các chất trong một số bệnh lý - **Kĩ năng:** Thực hiện được các kỹ thuật điện di ADN, protein và ứng dụng vào chẩn đoán bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Chính sách đối với học phần** - Lý thuyết: sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học tích cực và truyền thống. - Thực hành: Học viên được hướng dẫn mẫu, sau đó tự tiến hành xét nghiệm và biện luận kết quả. - Thi: Mỗi tín chỉ đều đánh giá cho điểm theo quy chế. Cuối mỗi tín chỉ tổ chức kỳ thi kết thúc. **Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học phần** - Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- **Thái độ:** Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp. - **1.2.1 Kiến thức:** + Trình bày được hệ thống miễn dịch trong cơ thể người: thành phần, cấu trúc và chức năng của hệ thống miễn dịch không đặc hiệu và đặc hiệu. + Phân tích được chức năng của đáp ứng miễn dịch tế bào và miễn dịch dịch thể trong quá trình loại bỏ kháng nguyên lạ và dung thứ kháng nguyên bản thân. + Trình bày được cơ chế điều hoà và các thành phần hiệu ứng tham gia đáp ứng miễn dịch. - **Kĩ năng:** + Nhận diện được các tế bào và các tổ chức lympho + Thực hiện được các kỹ thuật miễn dịch cơ bản như ngưng kết, kết tủa, điện di, ELISA, IFA để phát hiện kháng thể dịch thể - **Thái độ:** + Tuân thủ các quy định về an toàn khi làm việc với máy móc và khi tiếp xúc với các hóa chất, hóa chất, sinh phẩm + Thói quen thận trọng, chính xác, trách nhiệm khi thực hiện hoặc chỉ định các kỹ thuật xét nghiệm + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp			- Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
XII. CAO HỌC KHOA HỌC Y SINH, KHÓA 2020 - 2022					
79	Chẩn đoán chức năng	**1. Kiến thức** + Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. + Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng và các môn học khác như sinh hoá, sinh lý bệnh miễn dịch....và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. **2. Kỹ năng** - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được một số xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. **3. Thái độ** - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở... Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
80	Di truyền - Sinh học phân tử	**- Kiến thức** + Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: + Củng cố các quan niệm di truyền cơ bản + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. + Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen + Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. + Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lí di truyền đơn gen phổ biến. + Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ. + Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. + Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy - Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể + Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) + Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. + Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền.			Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 - 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- **Kỹ năng** + Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. + Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. + Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. + Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. + Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose + Lập được phả hệ - **Thái độ, chuyên cần** + Chương trình nhằm hình thành ở người học: + Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
81	Hóa sinh lâm sàng I	- **Kiến thức:** Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào bệnh lý lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch….và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. - **Kỹ năng:** + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng thí nghiệm. + Làm được các xét nghiệm hoá sinh máu, nước tiểu, dịch chọc dò… + Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Thái độ + Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			
82	Hóa sinh lâm sàng II	**Kiến thức:** Vận dụng được các kiến thức sinh hoá vào bệnh lý lâm sàng và các môn học khác như sinh lý, sinh lý bệnh miễn dịch….và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. **Kỹ năng:** + Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hoá chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng thí nghiệm. + Làm được các xét nghiệm hoá sinh máu, nước tiểu, dịch chọc dò… + Thực hiện được các xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng. **Thái độ**: + Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
83	Sinh lý bệnh đại cương	**- Kiến thức** + Nắm vững bệnh nguyên và cơ chế bệnh sinh của các bệnh lý đại cương như viêm, rối loạn chuyển hoá, rối loạn phát triển tổ chức.v.v.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Cuối học phần tổ chức kỳ thi kiểm tra cuối học phần.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Vận dụng được bệnh nguyên và cơ chế bệnh sinh giải thích được các triệu chứng, hội chứng cũng như quá trình tử vong trong một số bệnh lý cụ thể. + Vận dụng những kiến thức cơ chế bệnh sinh vào công tác phòng ngừa bệnh tật và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. **- Kỹ năng** + Biết cách xây dựng mô hình thực nghiệm, phương pháp nghiên cứu khoa học. + Biết cách quan sát, giải thích được các hiện tượng. Phân tích và biện luận các kết quả thực nghiệm… + Biết cách và vận động cộng đồng thực hiện công tác phòng ngừa bệnh tật dựa trên những kiến thức sinh lý bệnh **- Thái độ, chuyên cần** - Tận tuy với sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn trong học tập và nghiên cứu khoa học. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ * Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: + Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết. Nạp chuyên đề đầy đủ
84	Miễn dịch bệnh học	**- Kiến thức** + Hiểu và trình bày được các cơ chế bệnh nguyên bệnh sinh của một số rối loạn đáp ứng miễn dịch như quá mẫn, suy giảm miễn dịch, bệnh lý tự miễn, miễn dịch ung thư, miễn dịch nhiễm trùng.v.v. + Trình bày được nguyên tắc điều trị cơ bản về bệnh lý có cơ chế miễn dịch **- Kỹ năng**	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi cuối kỳ: mỗi tín chỉ tổ chức đánh giá cuối kỳ theo quy chế của nhà trường, Đại học Huế, và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Cuối học phần tổ chức kỳ thi kết thúc học phần. Hình thức thi: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80% và chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, chuyên đề. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Biết đọc các tiêu bản về các tế bào và tổ chức lympho + Biết cách phát hiện kháng thể dịch thể (các Ig) bằng cách kỹ thuật miễn dịch như ngưng kết, kết tủa, điện di, ELISA, IFA..v.v + Biết vận dụng kiến thức tốt của các chuyên ngành khác như vi sinh, ký sinh trùng, sinh hoá .v.v.vào nội dung bài học. **- Thái độ** + Tích cực tham gia học tập, tìm hiểu kiến thức môn học miễn dịch nhằm đáp ứng với chuyên khoa của bản thân đang công tác. + Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn trong học tập và nghiên cứu khoa học. + Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			Thi thực hành được tổ chức tại Bộ môn, cho theo thang điểm 10 và làm tròn đến một số thập phân (0,5); gồm hai phần: điểm tối đa của lý thuyết thực hành là 5đ và thực hành là 5 điểm. Điểm cuối cùng là trung bình cộng của hai điểm nói trên. Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ * Điều kiện dự thi: gồm các điều kiện như sau: + Không vắng quá 10% tổng số giờ giảng lý thuyết và giờ học thực hành đầy đủ (vắng phép và có bù). Nạp chuyên đề đầy đủ.
XIII. CAO HỌC ĐIỆN QUANG VÀ Y HỌC HẠT NHÂN KHÓA 2021 - 2023					
85	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
86	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.			
87	Giải phẫu	**1. Kiến thức:** học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu người **2. Kỹ năng:** biết được các đặc điểm giải phẫu học người trên mô hình xác và người sống **3. Thái độ:** Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lĩnh vực Chẩn đoán hình ảnh	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
88	Giải phẫu bệnh	1. Trình bày được 4 nội dung chính của giải phẫu bệnh đại cương. 2. Trình bày được 2 dạng tổn thương giải phẫu bệnh là viêm và ung thư của các cơ quan hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, tiết niệu, cơ quan sinh dục nữ; bệnh của mô lympho, tuyến vú, giáp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Trắc nghiệm khách quan
89	Ung bướu và xạ trị	- Trình bày được kiến thức cơ bản về bệnh lý ung thư - Chỉ định phối hợp các kỹ thuật hình ảnh trong các bệnh lý ung thư	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
90	Tổng quan Chẩn đoán hình ảnh	1. Kiến thức: - Trình bày được các kỹ thuật hình ảnh - Trình bày được các nguyên lý tạo ảnh của các phương pháp CĐHA - Trình bày được vai trò của các kỹ thuật hình ảnh	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi đọc phim 10 phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút 4.2.1. Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) câu hỏi trả lời ngắn 10 phút 3/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày về thuốc cản quang sử dụng trong chẩn đoán hình ảnh - Trình bày về sự nhiễm xạ trong chẩn đoán hình ảnh 2. Kỹ năng: - Đánh giá được chất lượng các kỹ thuật hình ảnh - Nắm được các ưu điểm và hạn chế của các kỹ thuật hình ảnh - Chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh - Sử dụng và xử trí các tai biến của thuốc cản quang - Hạn chế tối đa nhiễm xạ trong chẩn đoán hình ảnh - Sử dụng và bảo quản trang thiết bị khoa Chẩn đoán hình ảnh 3. Thái độ: - Nhận thức được vai trò, giá trị của các kỹ thuật hình ảnh - Nhận thức được giá trị phối hợp các kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh trong chỉ định và chẩn đoán các bệnh lý - Nhận thức được giá trị các kỹ thuật can thiệp			4.2.2. Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 - Có kiến thức về lợi ích các kỹ thuật hình ảnh X quang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ - Chẩn đoán được các bệnhh lý thường gặp trên các kỹ thuật hình ảnh
91	Lý thuyết Ngoại khoa	Cung cấp kiến thức về một số bệnh lý trong ngoại khoa Đưa ra được hướng chẩn đoán và xử trí một số bệnh lý trong ngoại khoa Thao tác được một số kỹ thuật cơ bản để chẩn đoán và xử trí các bệnh này	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp đánh giá lý thuyết: Trắc nghiệm
92	Chẩn đoán hình ảnh Hô hấp	1. Kiến thức: - Trình bày được lợi ích các kỹ thuật X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ trong chẩn đoán các bệnh lồng ngực	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi đọc phim 10 phim hô hấp - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Chẩn đoán được các bệnh lồng ngực thường gặp trên phim X quang, Cắt lớp vi tính 2. Kỹ năng: - Đánh giá được chất lượng kỹ thuật phim phổi - Đọc được phim các dấu hiệu cơ bản trên phim phổi thường qui. - Đọc phim các hội chứng hình ảnh lớn hệ hô hấp. - Đọc phim hình ảnh cắt lớp vi tính lồng ngực bình thường. - Đọc phim X quang và cắt lớp vi tính chẩn đoán hình ảnh viêm phổi, áp xe phổi, lao phổi, u phổi, nốt mờ phổi đơn độc, các bệnh phổi thâm nhiễm, chấn thương ngực 3. Thái độ: Nhận thức được vai trò, giá trị của phim X quang phổi trong tầm soát, chẩn đoán và định hướng một số bệnh lồng ngực Nhận thức được vai trò, giá trị của phim CLVT lồng ngực trong chẩn đoán bổ sung một số bệnh lồng ngực Nhận thức được giá trị phối hợp các kỹ thuật X quang, siêu âm, CLVT trong chỉ định và chẩn đoán các bệnh lý lồng ngực			Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) câu hỏi trả lời ngắn 10 phút 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Có kiến thức về lợi ích các kỹ thuật hình ảnh x quang, siêu âm, cắt lớp vi tính thăm khám hệ hô hấp Chẩn đoán được các bệnhh lý thường gặp trên phim x quang, CLVT lồng ngực
XIV. CAO HỌC ĐIỆN QUANG VÀ Y HỌC HẠT NHÂN, KHÓA 2020 - 2022					
93	Chẩn đoán hình ảnh Tim mạch	1. Kiến thức - Đánh giá được hình ảnh tim bình thường, bệnh lý. Đối chiếu với phân bố tuần hoàn phổi bình thường và bệnh lý trên phim phổi chuẩn. - Phân tích được nguyên lý Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa của tim mạch.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Chẩn đoán được một số bệnh lý tim và mạch máu trên hình ảnh Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa. 2. Kỹ năng - Chẩn đoán được một số bệnh lý tim, mạch máu thường gặp trên phim X quang, siêu âm 2D và Doppler. - Thực hiện được các kỹ thuật siêu âm chẩn đoán bệnh lý mạch máu. - Có thể thực hiện được kỹ thuật chụp mạch chẩn đoán (không bắt buộc). 3. Thái độ và phương pháp học tập Tích cực, chủ động trong học tập Tham gia trình bệnh, học theo các tình huống (case study) Học theo cách hỏi - trả lời (Question - Answer).			
94	Chẩn đoán hình ảnh cơ xương khớp	1. Kiến thức - Phân tích được nguyên lý kỹ thuật X quang, CLVT, CHT, siêu âm của cơ quan vận động. - Chẩn đoán được các bệnh xương khớp trên phim X quang thường quy và trên CLVT 2. Kỹ năng - Thực hiện được các kỹ thuật chụp X quang, siêu âm , CLVT xương khớp - Diễn giải được các phim thường quy và cắt lớp vi tính xương khớp 3. Thái độ và phương pháp học tập Tích cực, chủ động trong học tập Tham gia trình bệnh, học theo các tình huống (case study) Học theo cách hỏi - trả lời (Question - Answer).	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi chạy trạm đọc phim Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
95	Chẩn đoán hình ảnh Tiêu hoá	1. Kiến thức Phân tích được nguyên lý kỹ thuật Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa của bộ máy tiêu hoá. Đánh giá được hình ảnh ống bình thường, bệnh lý trên phim X quang quy ước. Chẩn đoán được các bệnh lý tiêu hóa tạng rỗng trên siêu âm và cắt lớp vi tính, CHT. Đánh giá được hình ảnh các tạng đặc bình thường, bệnh lý trên phim X quang quy ước, siêu âm và cắt lớp vi tính, CHT. Chẩn đoán được một số bệnh lý của bộ máy tiêu hoá trên hình ảnh Siêu âm, CLVT, CHT, mạch máu số hóa. 2. Kỹ năng Thực hiện được các kỹ thuật chụp ống tiêu hoá có sử dụng thuốc cản quang. Thực hiện được các kỹ thuật siêu âm chẩn, CLVT, CHT đoán bệnh lý bộ máy tiêu hoá. Phân tích được các hình ảnh bệnh lý của bộ máy tiêu hoá trên phim X quang, siêu âm, CLVT, CHT. 3. Thái độ và phương pháp học tập Tích cực, chủ động trong học tập Tham gia trình bệnh, học theo các tình huống (case study) Học theo cách hỏi - trả lời (Question - Answer).	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10
96	Chẩn đoán hình ảnh Tiết niệu sinh dục	1. Kiến thức: - Trình bày được lợi ích của các kỹ thuật hình ảnh khám tiết niệu sinh dục - Trình bày được lợi ích của các kỹ thuật X quang, siêu âm, cắt lớp vi tính trong chẩn đoán các bệnh tiết niệu sinh dục	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Thi đọc phim: 1 phim TN hoặc SD Thi trắc nghiệm 20 câu trong 100 của các chương với thời gian 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) câu hỏi trả lời ngắn 10 phút 3/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày được lý thuyết chẩn đoán các bệnh tiết niệu sinh dục thường gặp trên phim x quang, siêu âm **2. Kỹ năng:** - Đánh giá được chất lượng kỹ thuật phim x quang hệ tiết niệu - Phân tích được về mặt kỹ thuật hình ảnh x quang, siêu âm hệ tiết niệu sinh dục - Chẩn đoán được sỏi hệ tiết niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được hội chức tắc đường dẫn niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được U thận trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được U đường dẫn niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được bệnh lý nhiễm khuẩn hệ tiết niệu trên phim x quang, siêu âm - Chẩn đoán được bệnh lý thường gặp của tử cung phần phụ trên phim x quang, siêu âm **3. Thái độ:** - Nhận thức được vai trò của phim x quang, siêu âm trong chẩn đoán và định hướng một số bệnh tiết niệu sinh dục - Nhận thức được vai trò của phim CLVT trong chẩn đoán bổ sung một số bệnh hệ tiết niệu sinh dục - Nhận thức được giá trị phối hợp các kỹ thuật x quang, siêu âm, CLVT trong chỉ định và chẩn đoán các bệnh tiết niệu sinh dục			Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 Có kiến thức về lợi ích các kỹ thuật hình ảnh x quang, siêu âm, cắt lớp vi tính thăm khám hệ tiết niệu sinh dục Chẩn đoán được các bệnh lý TNSD thường gặp trên phim x quang và siêu âm

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
97	Chẩn đoán hình ảnh Thần kinh	**1. Kiến thức** - Phân tích được nguyên lý kỹ thuật CLVT, CHT hệ thần kinh. - Chẩn đoán được các bệnh hệ thần kinh trên phim CLVT, CHT **2. Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật CLVT, CHT sọ não không tiêm và có tiêm thuốc, chụp CLVT, CHT cột sống - Diễn giải được các hình ảnh bình thường và bất thường trên phim CLVT, CHT sọ não và cột sống - Phân tích được các bệnh lý của hệ thần kinh sọ não và tuỷ sống **3. Thái độ** - Nhận thức vai trò các kỹ thuật x quang qui ước trong chẩn đoán bệnh lý thần kinh - Nhận thức giá trị, vai trò các kỹ thuật hình ảnh hiện đại: CLVT, CHT ... trong chẩn đoán bệnh lý sọ não, cột sống	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10
98	Chẩn đoán bằng Cộng hưởng từ	- Trình bày được kiến thức cơ bản về kỹ thuật cộng hưởng từ - Chỉ định được kỹ thuật cộng hưởng từ	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi chạy trạm đọc phim - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút Đánh giá thường xuyên: kiểm tra giữa học phần để đánh giá điều kiện để thi kết thúc học phần Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá): thang điểm 10
XV. CAO HỌC TAI - MŨI - HỌNG KHÓA 2021 - 2023					
99	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.			- Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
100	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
101	Sinh lý	1. Kiến thức - Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. - Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. 2. Kỹ năng - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. 3. Thái độ	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng - số câu sai)/4]/10) - Điểm học phần là điểm bài thi trắc nghiệm cuối học phần ở trên, được chuyển thành điểm chữ như sau:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			Loại đạt: A (8,5 - 10): Giỏi B (7,0 - 8,4): Khá C (5,5 - 6,9): Trung bình D (4,0 - 5,4): Trung bình yếu Loại không đạt F (< 4 hoặc bỏ thi hay cấm thi, hoặc vi phạm quy chế thi): Kém Loại chưa dự thi I: chưa dự thi nhưng vì lý do khách quan như ốm đau, tai nạn và được Trưởng bộ môn cho phép.
102	Di truyền y học	- Kiến thức Sau khi hoàn tất môn học học viên có thể: Củng cố các quan niệm di truyền cơ bản Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền tế bào học sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các kỹ thuật di truyền phân tử sử dụng trong chẩn đoán bệnh di truyền. Trình bày được các dạng đột biến gen và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến đơn gen Trình bày được các dạng đột biến nhiễm sắc thể và mô tả được đặc điểm di truyền của các đột biến nhiễm sắc thể. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh do bất thường nhiễm sắc thể phổ biến. Giải thích được nguyên nhân, cơ chế và biểu hiện của một số bệnh lí di truyền đơn gen phổ biến. Vẽ, hiểu và giải thích được phả hệ.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi chạy trạm: 15 câu hỏi Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi chạy trạm: đúng 10 - 15 câu: đạt; sai <10 câu: không đạt Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi chạy trạm: cuối chương trình thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		Hiểu được tính phức tạp của sự di truyền đa yếu tố và đánh giá đúng nguy cơ tương đối của các bệnh lý di truyền này. Hiểu được trạng thái cân bằng di truyền trong quần thể, ứng dụng định luật Hardy - Weinberg trong việc tính tần số của các kiểu gen trong quần thể Hiểu được nền tảng di truyền học cơ bản của các bệnh lý di truyền sẽ được dạy trong các môn học sau (bệnh chuyển hóa, ung thư) Hiểu và mô tả được các ứng dụng và giới hạn của các phương pháp sàng lọc và chẩn đoán trước sinh, sơ sinh. Hiểu được các nguyên tắc cơ bản của tư vấn di truyền, sử dụng các kiến thức đã học để phục vụ cho việc tư vấn di truyền. - Kỹ năng Thực hiện được kỹ thuật nuôi cấy tế bào lympho máu ngoại vi. Nhuộm tiêu bản nhiễm sắc thể theo kỹ thuật nhuộm band G. Lập được bộ nhiễm sắc thể (karyotype) bình thường và một số bộ nhiễm sắc thể bất thường phổ biến theo kỹ thuật nhuộm băng. Thực hiện được kỹ thuật tách chiết DNA từ máu toàn phần. Thực hiện được kỹ thuật PCR, điện di DNA trên gel agarose Lập được phả hệ - Thái độ, chuyên cần Chương trình nhằm hình thành ở người học:			

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		Thái độ đúng đắn của người làm công tác y tế đối với người mắc bệnh di truyền trong cộng đồng. Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh di truyền			
103	Giải phẫu	- Kiến thức Học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu đầu mặt cổ. - Kỹ năng Biết được các đặc điểm giải phẫu học của vùng đầu mặt cổ trên mô hình xác và người sống. - Thái độ Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản để ứng dụng trong lâm sàng Tai Mũi Họng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
104	Răng Hàm Mặt	Sau khi học xong chứng chỉ, học viên có khả năng: - Kiến thức: Có kiến thức cơ bản về một số tình huống cấp cứu và bệnh lý phổ biến về Răng Hàm Mặt. - Kỹ năng: Khám, phát hiện, xử trí sơ cứu một số tình huống cấp cứu và biến chứng của các bệnh lý thông thường về Răng Hàm Mặt. - Thái độ: Khám toàn diện để kịp thời phát hiện các tình huống cấp cứu và bệnh lý phổ biến về Răng Hàm Mặt.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Phương pháp giảng dạy: giảng chuyên đề (thuyết trình truyền thống kết hợp học viên tự soạn bài, thuyết trình, thảo luận nhóm), thực tập lâm sàng. Điều kiện dự thi: Thực hành: - Tham gia đầy đủ các buổi thực hành (Vắng có phép, phải thực tập bù. Nếu vắng không phép không được dự thi). - Làm đủ 6 bệnh án chuyên khoa. Lý thuyết: - Phải đạt điểm kiểm tra thực hành. - Không vắng quá 30% tổng số giờ giảng lý thuyết.. Phương pháp lượng giá: Thi viết hoặc trắc nghiệm, thi bệnh án và xử trí tình huống. Thang điểm 10, một số thập phân.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
105	Gây mê hồi sức	**+ Kiến thức** Trang bị một số kiến thức cơ bản về lý thuyết gây mê hồi sức cơ sở để học viên các chuyên khoa thuộc hệ ngoại hỗ trợ cùng chuyên khoa gây mê hồi sức trong việc thăm khám, đánh giá chuẩn bị bệnh nhân trước phẫu thuật, đồng thời dự phòng và phát hiện được các biến chứng sau phẫu thuật. **+ Kỹ năng** Huấn luyện một số kĩ năng thực hành tay nghề để có thể vận dụng xử trí cấp cứu các biến chứng có thể gặp trong quá trình gây mê -phẫu thuật. **+ Thái độ, chuyên cần** Học viên tự nghiên cứu là chủ yếu, giảng viên tập trung giải quyết các vấn đề còn tranh luận, chưa rõ	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan. Kiểm tra thực hành: làm bệnh án, hỏi trên lâm sàng Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) 3/10 Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10
106	Bệnh lý tai	**1. Kiến thức:** Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về Tai (viêm tai cấp và mạn tính, các biến chứng nội sọ do tai, chấn thương tai, dị vật tai, chấn thương tai, ung thư tai, nghe kém, hội chứng tiền đình...) **2. Kỹ năng:** Biết cách khám tai đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật về tai (nội soi tai, thông vòi tai), các phẫu thuật cơ bản, điều trị bảo tồn các bệnh lý về tai khác... **3. Thái độ:** Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về tai và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý lĩnh vực tai gây ra	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
XVI. CAO HỌC TAI - MŨI - HỌNG, KHÓA 2020 - 2022					
107	Bệnh lý mũi xoang	**1. Kiến thức:** Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về Mũi - Xoang	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		2. Kỹ năng: Biết cách khám Mũi xoang đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật về Mũi xoang (nội soi Mũi xoang, chọc rửa xoang), các phẫu thuật cơ bản, điều trị bảo tồn các bệnh lý về Mũi xoang khác... **3. Thái độ:** Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về Mũi xoang và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý lĩnh vực Mũi xoang gây ra			
108	Bệnh lý họng - thanh quản - thực quản	**1. Kiến thức:** Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về Họng - Thanh quản **2. Kỹ năng:** Biết cách khám lĩnh vực Họng - Thanh quản đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật về Họng - Thanh quản (nội soi Họng - Thanh quản, sinh thiết vùng Họng - Thanh quản), các phẫu thuật cơ bản, điều trị bảo tồn các bệnh lý về Họng - Thanh quản khác... **3. Thái độ:** Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về Họng - Thanh quản và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý lĩnh vực Họng - Thanh quản gây ra	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
109	Chấn thương trong Tai Mũi Họng	**1. Kiến thức:** Học viên có kiến thức cơ bản về các chấn thương hay gặp trong TMH **2. Kỹ năng:** Biết cách xử trí chấn thương ban đầu, cách khám đúng kỹ thuật, chẩn đoán được các tổn thương kín đáo và giải quyết được các chấn thương thông thường đó **3. Thái độ:** Có thái độ xử trí đúng đắn về các loại chấn thương cũng như theo dõi sau chấn thương về	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		di chứng và biến chứng có thể xảy trong lĩnh vực TMH			
110	Thăm dò chức năng trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các xét nghiệm thăm dò chức năng thuộc TMH 2. Kỹ năng: Biết cách lấy bệnh phẩm, cách làm đúng kỹ thuật, đọc được kết quả để chẩn đoán được các loại bệnh lý về TMH 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn về chỉ định thăm dò chức năng cho các bệnh cấp cứu và các bệnh thông thường về lĩnh vực TMH	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
111	Khối u trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu và các bệnh lý phổ biến về khối U lĩnh vực TMH 2. Kỹ năng: Biết cách khám các bệnh lý U lĩnh vực TMH đúng kỹ thuật để chẩn đoán được các loại bệnh lý U hay gặp và làm được một số thủ thuật sinh thiết, lấy mẫu xét nghiệm chẩn đoán khối U, làm được những phẫu thuật cơ bản, điều trị nội khoa các bệnh lý về U 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với các bệnh cấp cứu về khối U và các bệnh thông thường ảnh hưởng sức khỏe do bệnh lý U lĩnh vực TMH gây ra	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
112	Cấp cứu trong Tai Mũi Họng	1. Kiến thức: Học viên có kiến thức cơ bản về các cấp cứu hay gặp trong TMH 2. Kỹ năng: Biết cách xử trí cấp cứu ban đầu, biết cách khám đúng kỹ thuật, chẩn đoán được các cấp cứu và giải quyết được các cấp cứu thông thường đó 3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn về các loại cấp cứu khẩn cấp và trì hoãn để tránh nguy hiểm	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tính mạng cũng như phục hồi chức năng sau cấp cứu TMH			
		XVII. CAO HỌC RĂNG - HÀM - MẶT KHÓA 2021 - 2023			
113	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
114	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa đáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
115	Hình thái học răng	**Kiến thức:** Sau khi học xong tín chỉ này, học viên phải: + Trình bày được các thuật ngữ về định hướng giải phẫu răng, các chi tiết lồi và chi tiết lõm của răng. + Mô tả được quá trình phát triển, lịch mọc và chức năng bộ răng sữa.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Trình bày được hình thể ngoài và tổ chức nội nha của răng sữa. + Mô tả được sự phát triển và mọc của răng vĩnh viễn. + Mô tả được hình thể ngoài của các răng vĩnh viễn phía trước, răng cối nhỏ và răng cối lớn. + Trình bày được hệ thống tủy buồng và ống tủy răng vĩnh viễn + Trình bày các bất thường về vị trí và hình thể răng vĩnh viễn. **- Kỹ năng:** + Mô tả được các mặt răng và các thành phần của mỗi mặt. + Mô tả được các thành phần của răng qua mô hình. + Phân biệt được răng sữa và răng vĩnh viễn. + Phân biệt được hình thể ngoài các răng của từng nhóm răng. + Phân biệt được răng bên trái và răng bên phải. + Ứng dụng giải phẫu răng vào chẩn đoán và điều trị răng hàm mặt. **- Thái độ:** + Ý thức được giải phẫu là cơ sở để chẩn đoán và điều trị răng miệng. + Ý thức được vai trò quan trọng của giải phẫu răng trong phục hồi chức năng và thẩm mỹ.			20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
116	Cắn khớp học	**1. Kiến thức** - Mô tả được cấu tạo giải phẫu của hệ thống nhai - Trình bày được quy trình khám cắn khớp, khám khớp thái dương hàm, khám cơ hàm và khám tiếp xúc cắn khớp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày được các loại cản trở cắn khớp và cách điều trị - Trình bày được chỉ định và phương pháp điều trị loạn năng khớp thái dương hàm - Trình bày được chỉ định và phương pháp làm máng nhai **2. Kỹ năng** - Thực hiện được quy trình khám cắn khớp, khớp thái dương hàm, cơ hàm và tiếp xúc cắn khớp - Ghi dấu và đánh giá được các loại cản trở cắn khớp - Chỉ định được và thực hiện được các cách điều trị loạn năng khớp thái dương hàm - Thực hiện được quy trình làm máng nhai **3. Thái độ** - Cẩn thận trong quy trình khám hệ thống nhai - Tuân thủ các bước trong thực hiện làm máng nhai			20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
117	Giải phẫu đầu mặt cổ	**1. Kiến thức:** Học viên có được kiến thức cơ bản và cập nhật về giải phẫu đầu mặt cổ. **2. Kỹ năng:** Biết được các đặc điểm giải phẫu học của vùng đầu mặt cổ trên mô hình xác, và người sống. **3. Thái độ:** Học viên ứng dụng được các kiến thức giải phẫu cơ bản vào chẩn đoán lâm sàng và điều trị các bệnh lý răng miệng và hàm mặt	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân
118	Tai Mũi Họng	**1. Kiến thức:** Học viên có kiến thức cơ bản một số cấp cứu và một số bệnh lý thông thường về Tai Mũi Họng. **2. Kỹ năng:** Biết cách khám bệnh thông thường và làm được một số thủ thuật đơn giản về Tai Mũi Họng	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		3. Thái độ: Có thái độ xử trí đúng đắn với một số bệnh cấp cứu trong Tai Mũi Họng Áp dụng được các kiến thức cơ bản vào khám chẩn đoán và điều trị các bệnh lý TMH liên quan đến RHM			
119	Nhãn khoa	**1. Kiến thức:** Học viên có được kiến thức về giải phẫu mắt, các bệnh lý nhãn cầu chú trọng phần chấn thương liên quan mắt và răng hàm mặt. **2. Kỹ năng:** Trình bày được và chẩn đoán được một số các bệnh lý mắt. **3. Thái độ:** Nắm được những kỹ năng và xử trí các bệnh lý nhãn cầu, các phối hợp xử trí liên chuyên khoa	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan, với thang điểm 10, một số thập phân. Làm bệnh án và hỏi thi lâm sàng
120	Nha cộng đồng	**1. Kiến thức:** Trang bị cho học viên các kiến thức về: + Dịch tễ học bệnh răng miệng + Ý nghĩa và cách thành lập chỉ số SMT và CPITN. + Phương pháp nghiên cứu khoa học về nha cộng đồng. + Các nội dung chăm sóc răng ban đầu của Tổ chức Y tế thế giới. + Phương pháp giáo dục nha khoa tại trường học và cộng đồng. + Phương pháp dự phòng bệnh sâu răng và nha chu. + Quan hệ giữa dinh dưỡng và bệnh răng miệng. + Đặc điểm bệnh răng miệng của các lứa tuổi và phụ nữ. + Biểu hiện HIV-AIDS, các tổn thương tiền ung thư ở răng miệng và hàm mặt **2. Kỹ năng:** + Tổ chức và thực hiện tốt các nội dung chăm sóc răng miệng ban đầu.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Chủ trì hoặc tham gia được các điều tra cơ bản sức khỏe răng miệng cộng đồng + Thực hiện được công tác giáo dục và phòng bệnh nha khoa tại trường học và cộng đồng. + Tổ chức và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống lây nhiễm HIV-AIDS trong nha khoa và phát hiện sớm ung thư miệng, hàm mặt. + Khám và quản lý sức khỏe răng miệng cộng đồng. **3. Thái độ** + Tôn trọng bình đẳng giới trong chăm sóc răng miệng cộng đồng. + Ý thức được vai trò quan trọng của chương trình nha học đường. + Thuyết phục được cộng đồng về ý nghĩa quyết định của công tác dự phòng bệnh răng miệng cho các lứa tuổi.			
XVIII. CAO HỌC RĂNG - HÀM - MẶT, KHÓA 2020 - 2022					
121	Nội nha	Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng: **1. Kiến thức:** - Trình bày được các quan niệm mới trong chẩn đoán, điều trị, dự phòng bệnh sâu răng. - Mô tả được các loại tổn thương mô cứng không do sâu răng - Trình bày được các ứng dụng của composite, GIC trong điều trị chữa răng nội nha - Trình bày được các chỉ định trong điều trị khẩn trong nội nha	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày được vật liệu, phương pháp trám ống tủy, điều trị nội nha lại, trám ngược ống tủy và phục hồi than, chân răng sau điều trị tủy - Trình bày được chỉ định, phương pháp tẩy trắng răng trong nha khoa phục hồi - Trình bày được mối liên hệ giữa nội nha và nha chu **2. Kỹ năng:** - Thực hiện được quy trình điều trị nội nha trên bệnh nhân - Thực hiện được quy trình điều trị nội nha lại - Chỉ định được và thực hiện được tẩy trắng răng **3. Thái độ:** Tuân thủ quy trình trong chữa răng và điều trị nội nha			
122	Nha chu	**1. Kiến thức** - Giáo trình sẽ giúp học viên hiểu sâu hơn về nguyên nhân, cơ chế của bệnh nha chu. Củng cố bổ sung và nâng cao hơn nữa các kiến thức về dịch tễ học,bệnh học bệnh nha chu. - Nắm được các quan điểm mới trong chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh nha chu - Trình bày được các hình thể bệnh nha chu theo quan niệm mới **2. Kỹ năng** - Chẩn đoán và điều trị được bệnh viêm nướu và nha chu - Lập kế hoạch dự phòng bệnh nha chu **3. Thái độ:** Học viên ứng dụng được các quan điểm mới vào chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh nha chu	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
123	Bệnh lý miệng và hàm mặt	**1. Kiến thức** - Nắm vững các kiến thức về giải phẫu định khu vùng hàm mặt và những thay đổi giải phẫu do bệnh lý và các chấn thương vùng hàm mặt. - Hiểu biết một cách sâu sắc về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, tế bào học của các bệnh lý vùng hàm mặt như nang xương hàm, ung thư vùng hàm mặt. - Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về phẫu thuật hàm mặt trong chấn thương, bệnh lý hàm mặt và tạo hình. - Vận dụng các kiến thức được học vào trong chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh. **2. Kỹ năng** - Xử lý được các tình huống cấp cứu hàm mặt - Điều trị được các bệnh vùng hàm mặt hay gặp - Phẫu thuật được các trường hợp chấn thương hàm mặt đơn giản - Ứng dụng một số kỹ thuật tạo hình trong điều trị phục hồi chức năng, thẩm mỹ **3. Thái độ** - Nắm vững các triệu chứng để chẩn đoán và chỉ định điều trị đúng các bệnh vùng hàm mặt hay gặp. - Áp dụng những kiến thức đã học được vào công tác điều trị - Cập nhật được những kiến thức mới về bệnh lý, phương pháp phẫu thuật	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
124	Nhổ răng tiểu phẫu	**1. Kiến thức** - Trình bày cơ chế đau và cách giảm đau trong RHM - Nêu được các kỹ thuật gây tê tại chỗ và gây tê vùng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày được quá trình lành thương sau nhổ răng - Nắm được kỹ thuật nhổ răng bằng kềm, nạy - Nêu được các tai biến sau nhổ răng, - Nắm được kỹ thuật mổ cơ bản - Trình bày được phương pháp nhổ răng bằng phẫu thuật - Nêu được một số tiểu phẫu vùng miệng - Trình bày được các viêm nhiễm vùng miệng- hàm mặt **2. Kỹ năng** - Chỉ định đúng và nhổ được các răng, chân răng thông thường. - Thực hiện được các các tiểu phẫu thông thường trong miệng, u lành tính - Tham gia và thực hiện được phẫu thuật lấy răng khó - Xử trí được các sốc, trụy tim mạch, suy hô hấp - Có khả năng xử trí các abces và phlegmon - Đọc được các phim về hàm mặt **3. Thái độ:** Học viên ứng dụng được các phương pháp, kỹ thuật mới vào điều trị bệnh răng miệng.			- Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
125	Phục hình	**1. Kiến thức:** Trang bị cho học viên các kiến thức về: - Các rối loạn về giải phẫu, chức năng ăn nhai, phát âm, thẩm mỹ và khả năng giao tiếp của người mất răng. - Nhu cầu phục hình. - Phân loại mất răng theo Kennedy và Kurliandsky. - Các kỹ thuật phục hình cổ điển và hiện đại. - Cơ chế bám dính trong hàm giả toàn bộ.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Chỉ định phục hình tháo lắp, khung bộ và phục hình cố định. - Hài hòa giữa răng, mặt - Khớp cắn thăng bằng phục hình. - Sự thích nghi của bệnh nhân với phục hình. **2. Kỹ năng:** Sau khóa học, học viên thực hiện được các kỹ năng sau: - Khám, phát hiện các đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân. - Chẩn đoán mất răng và chỉ định đúng phương pháp điều trị. - Điều trị chuẩn bị. - Thực hiện được các giai đoạn phục hình trên miệng như chọn răng trụ, mài, tạo cùi, lấy khuôn, đo cắn, chọn răng, lắp và chỉnh chụp (mão), cầu răng bằng nhựa, kim loại, sứ... - Phục hình tháo lắp bán hàm, toàn hàm và khung bộ. **3. Thái độ:** - Ý thức được việc phục hình sớm và đúng sau khi mất răng sẽ giúp phục hồi tốt chức năng và thẩm mỹ cho người mất răng. - Luôn học hỏi, cập nhật và áp dụng các kỹ thuật hiện đại vào điều trị. - Chọn phương tiện phục hình phù hợp với điều kiện tài chính của bệnh nhân.			- Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ
126	Chỉnh nha và răng trẻ em	- **Kiến thức:** + Trình bày được sự phát triển tâm lý và những thói quen xấu của trẻ ảnh hưởng đến răng miệng: Kiến thức này giúp học viên ứng dụng kết hợp các phương pháp giáo dục, động viên thích hợp với tình	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Thi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		trạng tâm lý của từng nhóm trẻ nhằm mục đích đạt được sự hợp tác tốt nhất của trẻ và gia đình trong điều trị, giảm thiểu tối đa các ảnh hưởng hưởng xấu đến sự phát triển tâm lý và hệ thống răng miệng. + Hiểu và trình bày được quá trình phát triển hệ thống sọ mặt và các yếu tố ảnh hưởng: Kiến thức này giúp học viên biết được thời điểm nào thích hợp để có thể can thiệp điều trị đúng thời điểm nhằm hướng dẫn, cải thiện về mức độ và chiều hướng tăng trưởng của sọ mặt, đem lại một khuôn mặt và khớp cắn bình thường nhất có thể cho người bệnh trong tương lai. + Trình bày cơ chế bệnh sinh, phân loại và cách điều trị các bệnh răng miệng của trẻ em: Kiến thức này giúp học viên hiểu và tầm soát hết tất cả các bệnh răng miệng có thể có ở trẻ em, nắm được cơ chế bệnh sinh, triệu chứng của bệnh, thiết lập được kế hoạch điều trị cho các bệnh răng miệng thường gặp ở trẻ em. + Trình bày và phân loại được nguyên nhân gây lệch lạc răng và các biện pháp phòng ngừa: Kiến thức này giúp học viên chẩn đoán được nguyên nhân gây lệch lạc răng của từng bệnh cụ thể, từ đó tiết lập được kế hoạch phòng ngừa và điều trị. + Trình bày được các biện pháp chỉnh nha phòng ngừa và cách điều trị các lệch lạc răng miệng đơn giản. **- Kỹ năng** + Chẩn đoán và điều trị được các bệnh răng miệng cho trẻ em			- Hình thức thi: câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1 chiếm tỷ lệ 80%, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở chiếm tỷ lệ 20%. Số lượng 100 câu hỏi được lấy từ ngân hàng đề thi. - Cách tính điểm: theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		+ Phát hiện và thực hiện được các biện pháp phòng ngừa các tật xấu ở trẻ em gây ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường răng miệng. + Chẩn đoán và điều trị được các lệch lạc răng thông thường **- Thái độ** + Thái độ đúng trong việc xử trí các bệnh răng miệng và lệch lạc răng cho trẻ em. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác dự phòng và tư vấn đối với bệnh răng miệng trẻ em.			
XIX. CAO HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN KHÓA 2021 - 2023					
127	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
128	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa dáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.			
129	Sinh lý học	**1. Kiến thức** - Trình bày được hoạt động chức năng của các cơ quan trong cơ thể và cơ chế điều hoà hoạt động của các cơ quan đó. - Vận dụng được các kiến thức sinh lý vào lâm sàng. **2. Kỹ năng** - Thực hiện được một số kỹ thuật xét nghiệm về máu, thực hiện được một số thủ thuật trên súc vật thí nghiệm và giải thích được các hiện tượng xảy ra trong thí nghiệm. - Thực hiện được các kỹ thuật thăm dò chức năng, phân tích được các kết quả thăm dò. **3. Thái độ** - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Hình thức thi là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học và thực hành. - Số lượng 100 câu hỏi. Lấy từ ngân hàng đề thi.
130	Y lý Y học cổ truyền	**1. Kiến thức:** Trình bày được có hệ thống lý luận cơ bản của nền Y học cổ truyền về các vấn đề triết học Đông phương ứng dụng trong y học. **2. Kỹ năng** - Vận dụng được các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương để ứng dụng vào trong y học. - Vận dụng được các lý luận Y học cổ truyền để chẩn đoán bệnh trên lâm sàng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		3. Thái độ: Các lý luận cơ bản của Triết học Đông phương là nền tảng cơ bản cho các phương pháp điều trị sau này của Y học cổ truyền.			Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi hỏi bệnh án: cuối chương trình thực hành
131	Chế biến dược liệu	**1. Kiến thức** - Trình bày được đại cương về chế biến thuốc y học cổ truyền - Trình bày được cách bào chế các dạng thuốc cổ truyền. - Trình bày được cách bào chế các vị thuốc cổ truyền. **2. Kỹ năng** - Thực hành bào chế được một số dạng thuốc cổ truyền. - Thực hành bào chế được một số vị thuốc cổ truyền. **3. Thái độ** - Các phương pháp chế biến dược liệu trong Y học cổ truyền phong phú và đa dạng. - Lựa chọn phương pháp bào chế để tạo ra các vị thuốc, bài thuốc có hiệu quả ứng dụng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
132	Điều trị Nội khoa y học hiện đại	**1. Kiến thức** - Nắm được quan điểm, khái niệm bệnh tật theo Y học hiện đại. - Trình bày được các phương pháp điều trị một số bệnh lý nội khoa thường gặp theo y học hiện đại. **2. Kỹ năng:** Vận dụng 1 số phác đồ điều trị các bệnh lý nội khoa thường gặp. **3. Thái độ:** Các bệnh lý Nội khoa khi kết hợp điều trị giữa Y học hiện đại và Y học cổ truyền sẽ mang	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		lại hiệu quả cao, giúp cho bệnh nhân cải thiện tình trạng bệnh tốt hơn.			Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
133	Thương hàn luận	**1. Kiến thức** - Trình bày được quan điểm, khái niệm bệnh tật theo Y học cổ truyền. - Trình bày được nội dung của tác phẩm Thương hàn luận, các hội chứng bệnh của lục kinh. **2. Kỹ năng** - Vận dụng 1 số bài thuốc trong Thương hàn luận để ứng dụng trong lâm sàng. 3. Thái độ - Bệnh lý Thương Hàn luận bao gồm nhiều loại, biến hoá, thay đổi tuỳ thuộc vào thời gian trong năm. - Có thái độ xử lý phù hợp trong quá trình điều trị và phòng bệnh.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
134	Châm cứu học	**1. Kiến thức** - Trình bày được cơ chế châm tê, phương pháp châm tê dùng trong phẫu thuật. - Trình bày được phép bổ tả đơn và kép, các phương pháp phối hợp huyệt trong châm cứu, thời châm cứu. **2. Kỹ năng** - Vận dụng được các huyệt vị để điều trị các chứng bệnh trên lâm sàng - Chỉ định đúng và thao tác thành thạo các phối hợp huyệt trong châm cứu - Thực hành tốt châm cứu điều trị một số bệnh thường gặp **3. Thái độ**	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Châm cứu học là môn học quan trọng trong Y học cổ truyền. - Ứng dụng thực tiễn cao trong quá trình điều trị các bệnh lý Y học cổ truyền.			
		XX. CAO HỌC Y HỌC CỔ TRUYỀN, KHÓA 2020 - 2022			
135	Xoa bóp - Dưỡng sinh	**1. Kiến thức:** Trình bày được nguyên tắc và cách tiến hành các phương pháp chữa bênh không dùng thuốc: khí công, xoa bóp, dưỡng sinh. **2. Kỹ năng:** Thực hành được các phương pháp khí công, xoa bóp, dưỡng sinh để phòng và chữa một số bệnh. **3. Thái độ** - Xoa bóp - Dưỡng sinh đem lại mục đích điều trị và phòng bệnh, luyện tập sức khoẻ cho cơ thể. - Giúp cải thiện tình trạng bệnh nhân một cách có hiệu quả.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Thi thực hành: Kiểm tra các động tác Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
136	Phương tễ học lâm sàng	**1. Kiến thức:** Trình bày được tên, cấu tạo, tác dụng và ứng dụng lâm sàng của các phương thuốc Y học cổ truyền. **2. Kỹ năng** - Chỉ định đúng và thực hành thành thạo kê đơn thuốc theo Y học cổ truyền. - Sử dụng được các phương thuốc điều trị các chứng bệnh theo Y học cổ truyền. **3. Thái độ** - Các bài thuốc Y học cổ truyền điều trị được nhiều mặt bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Các phương pháp gia giảm làm thay đổi một số tác dụng trong quá trình điều trị, giúp cải thiện tình trạng bệnh lý của bệnh nhân.			Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
137	Điều trị Nội - Nhi Y học cổ truyền	**1. Kiến thức** - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh một số bệnh nội - nhi khoa YHCT - Trình bày được phân loại các thể lâm sàng theo Y học cổ truyền. - Vận dụng được các kiến thức điều trị nội - nhi khoa Y học cổ truyền vào lâm sàng. **2. Kỹ năng:** Điều trị được một số bệnh lý nội - nhi khoa Y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng. **3. Thái độ** - Các bệnh lý Nội nhi Y học cổ truyền phong phú, đa dạng. - Trong quá trình thăm khám Nhi khoa gặp nhiều vấn đề khó khăn ví dụ như bắt mạch, hỏi bệnh. - Có thái độ đúng đắn, xử trí kịp thời các bệnh lý Nội nhi Y học cổ truyền	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi hỏi bệnh án: cuối chương trình thực hành
138	Điều trị Ngoại - phụ Y học cổ truyền	**1. Kiến thức** - Trình bày được nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh một số bệnh ngoại - phụ Y học cổ truyền. - Trình bày được phân loại các thể lâm sàng các bệnh ngoại phụ theo học cổ truyền. - Vận dụng được các kiến thức điều trị ngoại - phụY học cổ truyền vào lâm sàng. **2. Kỹ năng:** Điều trị được một số bệnh lý ngoại - phụ Y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng. **3. Thái độ** - Các bệnh lý Ngoại phụ Y học cổ truyền phong phú, đa dạng.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Cách thức chữa bệnh phù hợp với tính chất của người bệnh. - Thái độ xử trí phù hợp trong quá trình điều trị.			Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
139	Ôn bệnh	**1. Kiến thức** - Trình bày được khái niệm, phân loại một số bệnh lý thuộc phạm trù Ôn bệnh theo Y học cổ truyền. - Trình bày được nội dung của tác phẩm Ôn bệnh. **2. Kỹ năng:** Vận dụng những kiến thức học được trong Ôn bệnh để ứng dụng trong lâm sàng. **3. Thái độ** - Các bệnh lý Ôn bệnh biến hoá phức tạp, nhanh chóng. - Xử trí kịp thời và đúng đắn các bệnh lý Ôn bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi thực hành: cuối chương trình thực hành
140	Huyết chứng luận	**1. Kiến thức:** Trình bày được các cách chữa huyết chứng theo Y học cổ truyền. **2. Kỹ năng:** Chẩn đoán và điều trị được các chứng bệnh về huyết trên lâm sàng **3. Thái độ** - Bệnh lý về phần Huyết biến hoá, đa dạng. - Xử trí kịp thời và đúng đắn các bệnh lý về Huyết theo Y học cổ truyền	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Kiểm tra: Thi cuối môn học: 100 câu trắc nghiệm Tiêu chí đánh giá các loại bài tập Kiểm tra đánh giá giữa kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Thi đánh giá cuối kỳ: Số câu đúng <70%: Không đạt; 70% - <80%: trung bình; 80% - <90%: khá; 90% - < 95%: khá giỏi; 95% - 100%: giỏi. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại): Thi đánh giá cuối kỳ: theo sự sắp xếp của phòng Sau Đại Học Thi hỏi bệnh án: cuối chương trình thực hành
XXIII. CAO HỌC GÂY MÊ HỒI SỨC KHÓA 2021 - 2023					

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
171	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Tổng hợp 3 phần điểm:** - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
172	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa dáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
173	Huyết học lâm sàng	- **Kiến thức:** Trình bày được các quá trình phát sinh, phát triển bệnh, cơ chế bệnh sinh của tình trạng rối loạn đông máu, huyết học trước và sau phẫu thuật. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng, điều trị và theo dõi các bệnh lý rối lọan đông máuthường gặp. Nắm được được các loại chế phẩm máu, chỉ định sử dụng, quy trình truyền máu và xử trí tai biến truyền máu. - **Kỹ năng:** Vận dụng được các kiến thức huyết học truyền máu cơ sở trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh trong thực hành gây mê hồi sức.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** Phương pháp lượng giá: đánh giá qua lượng giá bằng bài thi gồm 100 câu trắc nghiệm khách quan, trong đó 80 câu 5 chọn 1 và 20 câu đúng sai.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- **Thái độ:** nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc giải thích cơ chế bệnh sinh và vận dụng trong điều trị một số bệnh lý.Thái độ học tập nghiêm túc, đầy đủ các buổi học và đúng giờ.Trung thực, khách quan trong thực hành.			
174	Sinh lý bệnh - miễn dịch	- **Kiến thức:** Trình bày được các quá trình phát sinh, phát triển bệnh, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh và các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản trong dự phòng, điều trị và theo dõi các bệnh thường gặp. - **Kỹ năng:** Vận dụng được các kiến thức sinh lý bệnh trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi bệnh trong thực hành gây mê hồi sức. Phân tích được các hậu quả có thể xảy ra trong rối loạn cân bằng kiềm toan, shock phản vệ, shock nhiễm trùng… - **Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của môn học trong việc giải thích cơ chế bệnh sinh và vận dụng trong điều trị một số bệnh lý. Thái độ học tập nghiêm túc, đầy đủ các buổi học và đúng giờ. Trung thực, khách quan trong thực hành.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** Phương pháp lượng giá: đánh giá qua lượng giá bằng bài thi gồm 100 câu trắc nghiệm khách quan, trong đó 80 câu 5 chọn 1 và 20 câu đúng sai.
175	Dược lý LS liên quan GMHS	**Mục tiêu chung:** Trình bày các cơ chế tác dụng và tương tác thuốc, các yếu tố ảnh hưởng trong quá trình GMHS. Sử dụng các thuốc trong quá trình GMHS và điều trị sau mổ. **Mục tiêu cụ thể:** - **Kiến thức:** Trình bày được dược động học, dược lực học của thuốc trong điều trị các bệnh kèm cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật.Vận dụng các kiến thức dược lý trong áp dụng điều trị,	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Câu hỏi tự luận: Ra 2 đề và nhà trường bốc thăm chọn 1 trong 2 đề. - Câu hỏi trắc nghiệm: Đề 100 câu, câu hỏi 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học. - Cách tính điểm: Theo thang điểm 10, làm tròn đến một số thập phân theo quy định của điều 22 của quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		tối ưu hóa các nhóm thuốc thường dùng cho người bệnh trước, trong và sau phẫu thuật. - **Kỹ năng:** Vận dụng được các kiến thức dược lý, đặc biệt dược lý lâm sàng và độc chất học lâm sàng sau khi tốt nghiệp. Phân tích được mối tương tác, tác dụng không mong muốn và độc tính của các thuốc điều trị bệnh với các thuốc dùng trong gây mê hồi sức. - **Thái độ:** Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học. Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp. - **Tóm tắt nội dung học phần:** Nghiên cứu về dược lý học đại cương, thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương, hệ thần kinh thực vật, thuốc điều trị tim mạch, thuốc tác dụng trên chuyển hóa, rối loạn đông máu và các thuốc điều trị kèm theo khác (thuốc hạ glucose máu, thuốc điều trị rối loạn điện giải, cân bằng acid-base, vitamin,...). Phương pháp giảng dạy thuyết trình và học viên tự nâng cao thêm kiến thức với đọc thêm một số sách tham khảo chuyên ngành.			Thang điểm trắc nghiệm như sau: (Điểm = [(số câu đúng - số câu sai)/4]/10)
176	Cấp cứu tim mạch	**Kiến thức:** - Trình bày các kiến thức cơ bản về điện tâm đồ và các tiêu chuẩn chẩn đoán rối loạn nhịp tim dựa trên điện tâm đồ - Trình bày các triệu chứng chẩn đoán và xử trí các cấp cứu tim mạch như nhồi máu cơ tim, nhồi máu não, rối loạn nhịp, suy tim **Kỹ năng:** - Thực hiện được các bước phân tích điện tâm đồ	6	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Thực hiện chẩn đoán và xử trí các trường hợp rối loạn nhịp tim - Phát hiện và xử trí được cấp cứu tim mạch: nhồi máu cơ tim, đột quỵ, suy tim **Thái độ:** - Nhận thức được tầm quan trọng của chẩn đoán và xử trí các trường hợp rối loạn tim mạch đe dọa tính mạng - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị			
177	CĐHA liên quan GMHS	**Kiến thức:** - Trình bày được nguyên lý tạo ảnh của các kỹ thuật hình ảnh. - Trình bày được ưu điểm, hạn chế chung của các kỹ thuật X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ. **Kỹ năng:** - Đánh giá được chất lượng từng kỹ thuật: X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ… - Chỉ định được các kỹ thuật hình ảnh trong cấp cứu. - Đọc được các dấu hiệu hình ảnh bình thường trên từng kỹ thuật: X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ… - Đọc được các dấu hiệu hình ảnh bất thường trên từng kỹ thuật: X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ trong các bệnh lý cấp cứu thường gặp.	6	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**- Yêu cầu: (cho mỗi học viên)** - Đọc được hình ảnh X-quang, siêu âm, CLVT, CHT 1000 hình ảnh - Thực hiện các kỹ thuật thực hành 10 bệnh nhân - Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần - Thi thực hành (thực hành trên bệnh nhân, đọc hình ảnh, trả lời vấn đáp) - Thi trắc nghiệm 100 câu 60 phút - Đánh giá thường xuyên (kiểm tra giữa học phần) kiểm tra đọc hình ảnh, thực hành trên bệnh nhân 10 phút 3/10 - Thi học phần gồm lý thuyết và thực hành (tiêu chí đánh giá) 7/10 - Có kiến thức về các kỹ thuật hình ảnh X-quang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ…Chẩn đoán được các bệnh lý cấp cứu thường gặp trên X-quang, siêu âm, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ…Ứng dụng

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Sử dụng siêu âm hướng dẫn để gây tê đám rối thần kinh, để kiểm tra dịch bất thường trong ổ bụng, màng phổi, màng tim. **Thái độ:** Nhận thức được giá trị của X quang, Siêu âm, Cắt lớp vi tính, Cộng hưởng từ... để chỉ định chính xác các kỹ thuật hình ảnh trong các bệnh lý cấp cứu.			kỹ thuật siêu âm đám rối thần kinh để gây tê, để phát hiện dịch bất thường ổ bụng, lồng ngực
178	Gây mê cơ sở	**Kiến thức:** - Trình bày các kiến thức cơ bản về dược lý ứng dụng trong GMHS của các thuốc mê dùng đường hô hấp và tĩnh mạch. - Trình bày các phương pháp gây mê thường dùng và các biến chứng liên quan. - Trình bày được các bước thăm khám chuẩn bị trước phẫu thuật và chăm sóc bệnh nhân sau phẫu thuật. - Trình bày được các kiến thức về các dung dịch thay thế huyết tương, máu và các sản phẩm máu chỉ định trong hồi sức. - Trình bày các rối loạn nước, điện giải, toan kiềm và cách xử trí. **Kỹ năng** - Thực hiện được các bước khám đánh giá bệnh nhân trước phẫu thuật. - Thực hiện chỉ định truyền dịch, máu và các chế phẩm máu phù hợp. - Phát hiện và xử trí được các rối loại nước, điện giải, toan kiềm trong lâm sàng. **Thái độ**	7	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Nhận thức được tầm quan trọng của đánh giá bệnh nhân trước phẫu thuật và chăm sóc sau phẫu thuậtđối với sự thành công của cuộc phẫu thuật. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			
XXIII. CAO HỌC GÂY MÊ HỒI SỨC, KHÓA 2020 -2022					
179	Gây tê cơ sở và giảm đau	**Kiến thức** - Trình bày các kiến thức cơ bản về dược lý ứng dụng trong GMHS của các thuốc gây tê. - Trình bày sinh lý dẫn truyền thần kinh và cảm giác đau. - Trình bày các phương pháp gây gây tê thường dùng. - Trình bày các biến chứng liên quan gây tê và cách xử trí. **Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật gây tê vùng dùng trong phẫu thuật. - Phát hiện và xử trí được các biến chứng liên quan gây tê. **Thái độ** - Nhận thức được tầm quan trọng của các phương pháp gây tê áp dụng trong phẫu thuật và giảm đau. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)
180	Gây mê hồi sức trong phẫu thuật sản nhi	**Kiến thức** - Trình bày các kiến thức cơ bản về thay đổi sản phụ liên quan GMHS và các biện pháp áp dụng gây mê cho sản phụ trong thai kỳ và mổ lấy thai.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày sinh lý trẻ em và các biện pháp Gây mê Hồi sức cho phẫu thuật trẻ em. **Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê, gây tê vùng dùng trong phẫu thuật lấy thai. - Thực hiện được kỹ thuật giảm đau có thể áp dụng trong chuyển dạ. - Thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức cho trẻ em. **Thái độ** - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho sản phụ và trẻ em có can thiệp phẫu thuật. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			- Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)
181	Gây mê hồi sức ở bệnh nhân có bệnh lý kèm theo	**Kiến thức** - Trình bày các kiến thức cơ bản về các tình trạng bệnh lý kèm theo có ảnh hưởng đến GMHS. - Trình bày thay đổi sinhlý ở bệnh nhân lớn tuổi và các biện pháp Gây mê Hồi sức cho phẫu thuật trên bệnh nhân lớn tuổi. - Phương pháp đánh giá đau sau phẫu thuật và phương pháp giảm đau đa mô thức. **Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê, gây tê đảm bảo an toàn cho các bệnh nhân có bệnh lý kèm theo. - Thực hiện được các kỹ thuật Gây mê Hồi sức cho bệnh nhân lớn tuổi.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Thực hiện được kỹ thuật giảm đau có thể áp dụng trong giảm đau sau phẫu thuật. **Thái độ** - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho các bệnh nhân lớn tuổi và bệnh nhân có bệnh lèm theo. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			
182	Hồi sức cơ sở	**Kiến thức** - Trình bày các kiến thức cơ bản về các tình trạng bệnh nhân nặng trong hồi sức gồm ngừng tuần hoàn - hô hấp, suy hô hấp, sốc nhiễm khuẩn. - Trình bày các nguyên lý cơ bản của thông khí nhân tạo và các chỉ định thông khí nhân tạo. - Trình bày các phương pháp điều trị trong hồi sức bao gồm liệu pháp kháng sinh, chống đông máu và nuôi dưỡng tích cực. **Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật thông khí nhân tạo: chỉ định, theo dõi và điều chỉnh. - Phát hiện và xử trí được các tình trạng bệnh nhân nặng: cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp, cấp cứu suy hô hấp, xử trí cấp cứu sốc nhiễm khuẩn. **Thái độ** - Nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết phải xử trí kịp thời các trường hợp bệnh nhân nặng. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
183	GMHS trong phẫu thuật tim mạch lồng ngực	**Kiến thức** - Trình bày các kiến thức cơ bản về sinh lý tuần hoàn, hô hấp và đánh giá tình trạng hô hấp, tim mạch trước phẫu thuật. - Trình bày các thuốc sử dụng trong hồi sức tim mạch. - Trình bày các kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân tăng huyết áp, phẫu thuật lồng ngực và phẫu thuật tim mạch. - Phương pháp hồi sức phẫu thuật tim trong và sau phẫu thuật. **Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật chuyên sâu trong gây mê tim mạch lồng ngực như đặt ống nội khí quản 1 nòng, đặt catheter tĩnh mạch trung tâm, đặt catheter động mạch. - Thực hiện được chỉ định và theo dõi bệnh nhân dùng thuốc hạ huyết áp và vận mạch. - Thực hiện được các biện pháp hồi sức sau phẫu thuật tim hở. **Thái độ** - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho các bệnh nhân phẫu thuật tim mạch, lồng ngực. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:** - Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)
184	GMHS trong phẫu thuật	**Kiến thức**	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá:**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
	thần kinh, chấn thương	- Trình bày các kiến thức cơ bản về sinh lý tuần hoàn não và các thuốc ảnh hưởng lên tuần hoàn não. - Trình bày kỹ thuật Gây mê Hồi sức cho bệnh nhân phẫu thuật thần kinh: u não và chấn thương sọ não. - Trình bày các kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân chấn thương cơ quan khác: tủy sống, ngực, bụng và chấn thương chi. - Phương pháp phát hiện và xử trí các biến chứng liên quan đến phẫu thuật ở bệnh nhân chấn thương như hội chứng ciment xương, tắc mạch ngoại khoa. **Kỹ năng** - Thực hiện được các kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân phẫu thuật thần kinh. - Thực hiện kỹ thuật gây mê cho bệnh nhân chấn thương nặng. - Thực hiện được các biện pháp hồi sức các biến chứng liên quan phẫu thuật cho bệnh nhân chấn thương. **Thái độ** - Nhận thức được tầm quan trọng và những khó khăn khi Gây mê Hồi sức cho các bệnh nhân phẫu thuật thần kinh và chấn thương. - Tôn trọng bệnh nhân trong quá trình thăm khám và chăm sóc điều trị.			- Thi lý thuyết: trắc nghiệm (60 phút) hoặc thi viết (180 phút) - Thi lâm sàng: + Thực hành GMHS trong mổ và làm đề cương bệnh án (60phút) + Hỏi thi lâm sàng (30phút)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
XXIII. CAO HỌC ĐIỀU DƯỠNG KHÓA 2021 - 2023					
185	Triết học	- Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. - Củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Tổng hợp 3 phần điểm: - Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường, có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm, không quá 5 học viên/ nhóm): 10%. - Bài tiểu luận (thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%. - Bài thi tự luận kết thúc môn học (thời gian làm bài 90 phút): 60%.
186	Phương pháp nghiên cứu khoa học	- Trình bày được các nội dung chủ yếu cần thiết để thực hiện một đề tài nghiên NCKH. - Diễn giải được các nội dung cơ bản của các bước tiến hành một đề tài NCKH. - Trình bày được cách xử lý, phân tích và so sánh các thông tin thu thập được nhằm trả lời thỏa dáng các câu hỏi nghiên cứu. - Xây dựng được một đề cương NCKH. - Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp nghiên cứu khoa học, của hoạt động nghiên cứu khoa học trong công tác bảo vệ và nâng cao sức khỏe con người.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	- Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập - Thi học phần: + Thực hành: làm tiểu luận: 3/10 + Lý thuyết: thi trắc nghiệm: 7/10
187	Học thuyết điều dưỡng	**Kiến thức:** Trình bày được các học thuyết điều dưỡng; So sánh và đối chiếu việc sử dụng con người, sức khỏe, xã hội và điều dưỡng trong các học thuyết điều dưỡng đã học; Vận dụng được các học thuyết điều dưỡng vào kế hoạch chăm sóc. **Kỹ năng**: - Thực hiện được quy trình chăm sóc dựa trên một số học thuyết chính của điều dưỡng.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung:** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Áp dụng các học thuyết đã được học để giải quyết các vấn đề trong giáo dục điều dưỡng, thực hành điều dưỡng và nghiên cứu điều dưỡng. **Thái độ:** Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học; Trung thực, khách quan thực hiện các kế hoạch chăm sóc; Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp; Trung thực, khách quan thực hiện các nghiên cứu điều dưỡng dựa vào học thuyết. **Mô tả tóm tắt nội dung môn học:** Giới thiệu các cơ sở lý thuyết thực hành cho thực hành điều dưỡng nâng cao và các khái niệm về con người, sức khỏe, xã hội và điều dưỡng. Áp dụng lý thuyết vào thực hành điều dưỡng lâm sàng và giáo dục sức khỏe điều dưỡng. Nhấn mạnh vào sự phát triển, ứng dụng và đánh giá các mô hình điều dưỡng. Nghiên cứu về các học thuyết chính trong thực hành điều dưỡng. Phương pháp giảng dạy thuyết trình, trình bày của học viên và thảo luận nhóm và tự nâng cao thêm kiến thức bằng cách đọc thêm một số sách tham khảo chuyên ngành.			- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:** - Thi trắc nghiệm: là câu hỏi trắc nghiệm 5 chọn 1, chọn tập hợp đúng, câu hỏi đúng sai, câu hỏi mở… Nội dung ra đề là toàn bộ kiến thức giờ giảng lý thuyết, tự học . Số lượng 100 câu hỏi, lấy từ ngân hàng đề thi. - Thi tự luận - Thi nghiên cứu trường hợp: ứng dụng học thuyết vào thực hành giáo dục sức khỏe, nghiên cứu điều dưỡng.
188	Kỹ năng điều dưỡng trong thực hành nâng cao	- **Kiến thức:** trình bày được các bước của quy trình thực hiện các kỹ thuật chăm sóc. - **Kỹ năng:** thực hiện thành thạo các kỹ năng Điều dưỡng trong thực hành nâng cao. - **Thái độ:** nhận thức được tầm quan trọng của việc thực hiện chính xác các quy trình kỹ thuật. - **Mô tả tóm tắt nội dung môn học:** Học phần Kỹ năng Điều dưỡng trong thực hành nâng cao cung cấp cho học viên các kiến thức, quy trình về một số	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung:** - Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra có trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số là 70% điểm học phần. - Điểm đánh giá học phần = Điểm kiểm tra x 0,3 + Điểm thi kết thúc học phần x 0,7

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		kỹ năng điều dưỡng được sử dụng trong thực hành điều dưỡng nâng cao.			- Điểm kiểm tra được đánh giá theo hình thức kiểm tra viết, trắc nghiệm, thảo luận, thực hành, trình bày, … và điểm chuyên cần. - Điểm kiểm tra phải được giảng viên ghi đầy đủ vào bảng điểm (theo mẫu quy định) nộp lại cho Bộ môn quản lý, lưu trữ. Học viên không kiểm tra hình thức nào thì bị tính điểm 0 cho hình thức đó. **Phần riêng:** Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. **- Kiểm tra giữa kỳ:** tình huống; bài tập; câu hỏi trắc nghiệm **- Kiểm tra thực hành:** + Thực hiện các quy trình kỹ thuật + vấn đáp. + Thi OSCE. - Thi kết thúc học phần: câu hỏi trắc nghiệm/ Tự luận
189	Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	- **Kiến thức:** Hiểu và có kiến thức tốt về các phương pháp giáo dục sức khỏe để thực hiện giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. - **Kỹ năng:** Thực hiện tốt giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân bằng nhiều phương pháp khác nhau. - **Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân. - **Tóm tắt nội dung môn học:** Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng có vai trò cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ liên quan đến việc giáo dục	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung:** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		sức khỏe của điều dưỡng đối với bệnh nhân. Ngoài ra, giáo dục sức khỏe cung cấp cho điều dưỡng nhận thức được tầm quan trọng của việc cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.			lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. - **Kiểm tra giữa kỳ:** tình huống; bài tập; câu hỏi trắc nghiệm - Thi kết thúc học phần: câu hỏi trắc nghiệm/ Tự luận - **Kiểm tra thực hành:** Thực hiện các quy trình kỹ thuật + vấn đáp; Thi OSCE; Báo cáo chuyên đề.
190	Kỹ năng giao tiếp trong Thực hành Điều dưỡng	- **Kiến thức:** Trình bày được kiến thức về các phương pháp giao tiếp đúng, chuẩn trong thực hành chăm sóc bệnh nhân. - **Kỹ năng:** Thực hiện được quy trình giao tiếp đúng và chuẩn mực trong thực hành điều dưỡng. - **Thái độ:** Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng tốt các kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng. - **Mô tả tóm tắt nội dung môn học:** Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ của người điều dưỡng với đồng nghiệp, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhóm nhỏ... Từ đó giúp điều dưỡng có các giao tiếp, ứng xử tốt nhất trong tất cả các trường hợp trên lâm sàng và trong công việc. Hạn chế tối đa những phản ứng, giao tiếp không tốt trong mâu thuẫn hay trong trường hợp đặc biệt. Giúp người điều dưỡng có thể linh hoạt giải quyết được các tình huống xảy ra.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung:** - Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: điểm kiểm tra có trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số là 70% điểm học phần. - Điểm đánh giá học phần = Điểm kiểm tra x 0,3 + Điểm thi kết thúc học phần x 0,7 - Điểm kiểm tra được đánh giá theo hình thức kiểm tra viết, trắc nghiệm, thảo luận, thực hành, trình bày, … và điểm chuyên cần. - Điểm kiểm tra phải được giảng viên ghi đầy đủ vào bảng điểm (theo mẫu quy định) nộp lại cho Bộ môn quản lý, lưu trữ. Học viên không kiểm tra hình thức nào thì bị tính điểm 0 cho hình thức đó. **Phần riêng:** Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Kiểm tra giữa kỳ: tình huống; bài tập; câu hỏi trắc nghiệm - Kiểm tra thực hành:

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					+ Thực hiện đóng vai các tình huống theo nhóm. + Điểm thực hành là điểm trung bình chung tất cả các bài thực hành. - Thi kết thúc học phần: câu hỏi trắc nghiệm/ Tự luận
191	Dược lý lâm sàng	**Kiến thức:** - Trình bày được các mối liên quan giữa liều thuốc sử dụng với tác dụng dược lý trên lâm sàng, biến đổi cảm thụ của cơ thể với tác dụng của thuốc. - Trình bày được các nguyên tắc dược lý lâm sàng ứng dụng trong điều trị một số bệnh thông thường như đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh nhiễm khuẩn, quá trình viêm, bệnh ung thư,... - Trình bày được PP đánh giá TT ngộ độc các thuốc trên lâm sàng thuốc thường gặp như paracetamol, aspirin, digoxin, thuốc an thần gây ngủ,... **Kỹ năng:** - Vận dụng các kiến thức dược lý, đặc biệt dược lý lâm sàng và độc chất học lâm sàng để lựa chọn và tư vấn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý. - Áp dụng được kiến thức đã học để sơ cứu, xử lý ngộ độc thuốc trong các trường hợp lâm sàng thường gặp cụ thể. **Thái độ:** Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc sử dụng các nguyên lý dược lý lâm sàng để tối ưu hóa trị liệu; Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc sơ cứu, xử lý ngộ độc thuốc trên lâm sàng thường gặp. **Mô tả tóm tắt nội dung môn học**: Môn học trình bày các kiến thức về mối liên quan giữa liều dùng với tác dụng dược lý; áp dụng nguyên lý dược lý lâm sàng trong điều trị một số bệnh; giới thiệu các	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết. **Đánh giá** - Đánh giá thường xuyên: Kiểm tra câu hỏi ngắn: 2/10 - Thi học phần: thi tự luận hoặc trắc nghiệm: 8/10.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		phương pháp đánh giá tình trạng ngộ độc thuốc trên lâm sàng, các biện pháp sơ cứu, xử trí ngộ độc thuốc thường gặp.			
192	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa nâng cao	- **Kiến thức:** cung cấp cho học viên kiến thức về các bệnh lý nội khoa cũng như cách chăm sóc các bệnh lý nội khoa ở người lớn. - **Kỹ năng:** học viên phát hiện sớm các nhu cầu của bệnh nhân về các bệnh lý nội khoa và thực hiện được quy trình chăm sóc các bệnh nội khoa ở người lớn. - **Thái độ:** có nhận thức đúng về tính khẩn trương, chính xác và đầy đủ trong quá trình chăm sóc người bệnh. - **Mô tả tóm tắt nội dung môn học:** Học phần chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa nâng cao cung cấp các nguyên lí, học thuyết vào chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh nội khoa, cách tiếp cận về nhận định sức khỏe người lớn, quy trình điều dưỡng đối với các bệnh lý nội khoa thường gặp và các bệnh lý đặc biệt.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Kiểm tra giữa kỳ:** Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:** - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. **Thi thực hành:** Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
XXIII. CAO HỌC ĐIỀU DƯỠNG, KHÓA 2020 - 2022					

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
193	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa nâng cao	- **Kiến thức:** cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu về cách chăm sóc các bệnh lý Ngoại khoa chuyên biệt (hệ cơ xương khớp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu) của người bệnh. - **Kỹ năng:** học viên phát hiện sớm các nhu cầu của bệnh nhân đối với từng bệnh lý ngoại khoa chuyên biệt và thực hiện được quy trình chăm sóc cho bệnh nhân. - **Thái độ:** có nhận thức đúng về tính khẩn trương, chính xác trong quá trình chăm sóc người bệnh.	5	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Kiểm tra giữa kỳ:** Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:** - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. **Thi thực hành:** Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
194	Chăm sóc sức khỏe trẻ em nâng cao	- Phân tích các khái niệm, học thuyết, nguyên lý cơ bản và bằng chứng khoa học trong lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ trẻ em. - Phân tích tác động của tình trạng bệnh lý cấp và mạn tính đối với trẻ và gia đình.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	Đánh giá kết quả học tập gồm có đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ; * Đánh giá quá trình gồm: 1 bài báo cáo chuyên đề theo nhóm (chương 1); 2 bài cáo ca bệnh thực hành

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải quyết và quản lí công tác chăm sóc trẻ tại các cơ sở y tế. - Vận dụng các kiến thức đã học vào việc lập, thực hiện và quản lí hoạt động chăm sóc trẻ liên tục, chăm sóc giai đoạn cuối, nâng cao sức khỏe trẻ em. - Nghiên cứu và ứng dụng nghiên cứu trong chăm sóc sức khỏe trẻ em - Ứng xử phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật			(chương 2); 1 bài tập lớn (chương 3) và một bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan * Đánh giá cuối kỳ: - Lý thuyết: bài kiểm tra tổng hợp (trắc nghiệm khách quan, câu hỏi ngắn, tình huống) - Thực hành: thi vấn đáp & kiểm tra tay nghề về ca bệnh lâm sàng.
195	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và bà mẹ nâng cao	- **Kiến thức:** Cung cấp cho học viên những kiến thức về các bệnh lý sản phụ khoa cũng như cách chăm sóc các bệnh thường gặp ở Sản phụ khoa. - **Kỹ năng:** Học viên phải nhận định, chẩn đoán, lập kế hoạch và thực hiện được các kế hoạch chăm sóc các bệnh nhân này, cũng như cách đánh giá về các nhu cầu. - **Thái độ:** Biết cách trò chuyện, động viên, chia sẻ giải thích với bệnh nhân. Nhận thức được tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và các bà mẹ.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Kiểm tra giữa kỳ:** Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:**

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					- Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. **Thi thực hành:** Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện quy trình chăm sóc bệnh nhân.
196	Quản lý điều dưỡng	- **Kiến thức:** cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về cách quản lí, lãnh đạo cũng như cách điều hành trong công tác điều dưỡng. - **Kỹ năng:** học viên phải nhận định được công tác quản lí về các lĩnh vực có liên quan đến điều dưỡng, cũng như cách đánh giá về các vấn đề quản lí thường gặp. - **Thái độ:** có nhận thức đúng và có trách nhiệm trong công tác quản lý.	4	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Kiểm tra giữa kỳ:** Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:** - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. **Thi thực hành:** Viết báo cáo chủ đề theo mẫu quy định;

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
					- Báo cáo chủ đề đã được phân công.
197	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	- **Kiến thức:** Cung cấp cho học viên các kiến thức về cấp cứu và kiến thức về các bệnh nặng ở người lớn. - **Kỹ năng:** Học viên phải ứng dụng được các kiến thức đã học vào thực hiện khẩn trương và chính xác các quy trình chăm sóc điều dưỡng đối với các bệnh nhân nặng. - **Thái độ:** Có thái độ khẩn trương, thông cảm, ân cần và có tinh thần trách nhiệm với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân trong việc thực hiện kế hoạch chăm sóc.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Kiểm tra giữa kỳ:** Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:** - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. **Thi thực hành:** Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
198	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm	- **Kiến thức:** Học viên có kiến thức về các bệnh truyền nhiễm cũng như cách chăm sóc các bệnh thường gặp.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Phần chung** + Thực hiện theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ GD&ĐT về việc

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- **Kỹ năng:** học viên phải nhận định và chẩn đoán được các nhu cầu thường gặp trên các bệnh nhân này, cũng như cách đánh giá về các nhu cầu. - **Thái độ:** có thái độ thông cảm, ân cần với bệnh truyền nhiễm và người nhà bệnh nhân, có tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện chăm sóc bệnh nhân.			ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. + Quy định số 2702/QĐ-ĐHYD ngày 29/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế về việc quy định đánh giá học phần đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. **Phần riêng:** - Điều kiện dự thi kết thúc học phần: sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi tham dự từ 80% số giờ lên lớp của học phần (kể cả lý thuyết, bài tập, thảo luận) và 100% các giờ thực hành. - Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm điểm kiểm tra. **Kiểm tra giữa kỳ:** Tình huống; Bài tập; Câu hỏi trắc nghiệm. **Thi lý thuyết nhiều hình thức:** - Thi trắc nghiệm. - Thi tự luận. - Thi nghiên cứu trường hợp. **Thi thực hành:** Thi tay nghề; Làm quy trình chăm sóc bệnh nhân; Thi vấn đáp qua thực hiện qui trình chăm sóc bệnh nhân.
XXIII. CAO HỌC DƯỢC LÝ DƯỢC LÂM SÀNG, KHÓA 2021 - 2023					
199	Triết học	**Kiến thức:** Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng xã hội của triết học; sự hình thành và phát triển của các trào lưu, khuynh hướng tiêu biểu trong lịch sử triết học. Giúp cho học viên nắm vững các nguyên lý thế giới và phương pháp luận của triết học Mác-Lênin và sự vận dụng các quan điểm của triết học Mác-Lênin	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá**: - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		và tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Việt Nam qua các chuyên đề triết học. **Kỹ năng:** Trang bị cho học viên hệ thống các nguyên tắc khoa học, phương pháp khoa học để phân tích, đánh giá các trào lưu tư tưởng trong lịch sử nhân loại và vận dụng vào công tác chuyên môn. Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những hiện tượng, những sự kiện đang diễn ra ở nước ta và trên thế giới từ lập trường của phép biện chứng duy vật, qua đó nâng cao tư duy lý luận, tư duy logic của người học. **Thái độ:** Góp phần giúp học viên xây dựng ý thức công dân trên lập trường duy vật mác xít, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, thấy được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với tập thể, cộng đồng và đất nước.			
200	Phương pháp nghiên cứu khoa học	**Kiến thức:** - Có kiến thức về các bước của nghiên cứu khoa học và các đặc điểm của nó. - Phân loại, diễn giải được các loại thiết kế nghiên cứu và giá trị của mỗi loại. **Kỹ năng:** Xây dựng được đề cương nghiên cứu. **Thái độ:** Hiểu tầm quan trọng của triển khai nghiên cứu trong việc cải tiến chất lượng sử dụng thuốc.	3	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
201	Xử lý số liệu thống kê trong y học	**Kiến thức:** - Trình bày được các nội dung cơ bản của thống kê ứng dụng trong nghiên cứu y học - Trình bày được các bước tiến hành của phần mềm xử lý dữ liệu thống kê		Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày cách chọn và tính toán được các test thống kê thích hợp **Kỹ năng:** - Vận dụng được kiến thức thống kê khi tiến hành các đề tài nghiên cứu khoa học y học - Thực hiện được việc tổng hợp, xử lý và phân tích thống kê bằng phần mềm - Sử dụng được phần mềm chuyên dụng khi tiến hành nghiên cứu đề tài NCKH. **Thái độ:** Nhận rõ tầm quan trọng của môn học ứng dụng trong nghiên cứu khoa học y học.			- Thi học phần (8/10)
202	Dược lý lâm sàng	**Kiến thức:** - Trình bày được mối liên quan giữa liều dùng với tác dụng dược lý, sự thay đổi của thụ cảm thể với tác dụng của thuốc. - Trình bày được các nguyên tắc dược lý lâm sàng ứng dụng trong điều trị một số bệnh như đái tháo đường, bệnh nhiễm khuẩn, bệnh ung thư và các quá trình viêm. **Kỹ năng:** Vận dụng các kiến thức dược lý lâm sàng để lựa chọn sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả và hợp lý. **Thái độ:** Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc sử dụng các nguyên lý dược lý lâm sàng để tối ưu trị liệu.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
203	Dược dịch tễ	**Kiến thức:** - Trình bày được khái niệm về dược dịch tễ. - Trình bày được các loại hình nghiên cứu thường dùng trong dược dịch tễ.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Trình bày được các nguồn dữ liệu dùng trong nghiên cứu dược dịch tễ. - Trình bày được một số vấn đề thường gặp trong nghiên cứu dược dịch tễ. **Kỹ năng:** - Thiết kế được một số loại nghiên cứu vào thực hành - Diễn giải đúng kết quả của các nghiên cứu dịch tễ học **Thái độ:** Thái độ thận trọng khi diễn giải các kết quả từ nghiên cứu dịch tễ học			
204	Kinh tế y tế và pháp chế dược	**Kiến thức:** - Trình bày được một số vấn đề cơ bản của kinh tế y tế - Trình bày được nguyên lý, cấu trúc và hoạt động của hệ thống bảo hiểm y tế - Trình bày được cách thức triển khai hiệu quả của dược sĩ dược lâm sàng trong các hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. - Trình bày được chiến lược trong quản lý cung cứng thuốc, hóa chất, trang thiết bị tại bệnh viện. - Trình bày được các quy định pháp luật trong hoạt động dược lâm sàng tại bệnh viện và cộng đồng. **Kỹ năng:** - Đánh giá hiệu quả kinh tế các sản phẩm dược hay các hoạt động dược lâm sàng. - Phân tích ảnh hưởng của các quy định của bảo hiểm y tế, viện phí trong quan hệ cung - cầu dịch vụ y tế.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Triển khai hiệu quả hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị. - Triển khai xây dựng các chiến lược quản lý sử dụng thuốc từ cung ứng, kê đơn, phân phát và sử dụng thuốc. - Áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động dược lâm sàng để triển khai tại bệnh viện và cộng đồng.			
205	Cảnh giác dược	**Kiến thức:** - Trình bày được đặc điểm của hệ thống cảnh giác dược tại Việt Nam. - Trình bày được các bước quản lý phản ứng có hại của thuốc, sai sót liên quan đến thuốc và chất lượng thuốc. - Áp dụng bộ tiêu chí quản lý chất lượng bệnh viện để triển khai các hoạt động cảnh giác dược. **Kỹ năng:** - Có kỹ năng phát hiện, phân tích, xử lý phản ứng có hại của thuốc theo ca lâm sàng thực tế. - Áp dụng các biện pháp phát hiện và phân tích sai sót liên quan đến thuốc trong các tình huống thực hành thực tế. - Lập kế hoạch triển khai các biện pháp phòng tránh sai sót liên quan đến thuốc - Có kỹ năng quản lý các vấn đề liên quan đến chất lượng thuốc **Thái độ:** Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc thực hiện công tác cảnh giác dược.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
206	Thông tin thuốc ứng dụng trong lâm sàng	**Kiến thức** - Trình bày được được tầm quan trọng của thông tin thuốc và vai trò của người dược sĩ trong công tác thông tin thuốc. - Trình bày được các nguồn thông tin cấp 1, 2, 3 - Trình bày được các tiêu chí đánh giá một nghiên cứu lâm sàng - Trình bày được các bước trả lời câu hỏi thông tin thuốc. - Trình bày được phương pháp trình bày thông tin thuốc một cách hợp lý. - Trình bày được cách thức xây dựng và triển khai hoạt động thông tin thuốc tại bệnh viện. **Kỹ năng** - Áp dụng được cách tra cứu dữ liệu, phân tích, tổng hợp thông tin để thực hiện các hoạt động thông tin thuốc. - Lập kế hoạch triển khai hoạt động thông tin thuốc tại bệnh viện. - Áp dụng thực hành y học dựa theo bằng chứng trong thực hành chăm sóc dược. **Thái độ:** Nhận thức vai trò và trách nhiệm trong việc thực hiện công tác thông tin thuốc ứng dụng trong lâm sàng.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10) - Thi học phần (8/10)
207	Sinh học dược	**Kiến thức:** - Trình bày được các khái niệm sinh khả dụng, các khái niệm tương đương sinh học.	2	Theo CTK và KHĐT hàng năm	**Yêu cầu:** Dự đủ tối thiểu 80% số giờ giảng lý thuyết; 100% giờ thực hành; làm đầy đủ các bài tập **Đánh giá:** - Đánh giá thường xuyên: Đánh giá kết quả từ các bài tập (2/10)

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá học viên
		- Phân tích được các quy định và các phương pháp xác định sinh khả dụng, tương đương sinh học của dược phẩm. - Phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố dược học và sinh học đến sinh khả dụng của thuốc. - Trình bày được các đặc điểm về sinh dược học của các dạng thuốc uống, thuốc đặt, thuốc tiêm, thuốc dùng trên da, thuốc nhỏ mắt… **Kỹ năng:** Thiết kế được thử nghiệm xác định tương đương sinh học in vivo, tương đương in vitro. **Thái độ** - Thái độ học tập nghiêm túc, có mặt đầy đủ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành. - Trung thực, khách quan thực hiện các thao tác chuyên môn. - Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với bạn đồng nghiệp.			- Thi học phần (8/10)